

Số: /QĐ-CNTY-KHCNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn thực hiện biện pháp
an toàn sinh học cho cơ sở chăn nuôi (Phần I)**

CỤC TRƯỞNG CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi và Thú y;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Theo đề nghị của trưởng phòng Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này

Hướng dẫn thực hiện biện pháp an toàn sinh học cho cơ sở chăn nuôi trâu, bò (Phụ lục I); Hướng dẫn thực hiện biện pháp an toàn sinh học cho cơ sở chăn nuôi lợn (Phụ lục II); Hướng dẫn thực hiện biện pháp an toàn sinh học cho cơ sở chăn nuôi gia cầm (Phụ lục III).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Phùng Đức Tiến (để b/c);
- Sở NN và MT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Chi cục CN&TY các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, KHCNMT.

CỤC TRƯỞNG

Dương Tất Thắng

Phụ lục I
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BIỆN PHÁP AN TOÀN SINH HỌC
CHO CƠ SỞ CHĂN NUÔI TRÂU, BÒ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CNTY-KHCNMT ngày tháng năm 2025
của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

Cơ sở chăn nuôi trâu, bò quy mô nông hộ và trang trại trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ

An toàn sinh học trong chăn nuôi trâu, bò là tổng hợp các biện pháp kỹ thuật và quản lý được áp dụng nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân gây bệnh có khả năng gây hại đến con người, vật nuôi và hệ sinh thái.

3. Nguyên tắc thực hiện an toàn sinh học trong cơ sở chăn nuôi trâu, bò

Nguyên tắc chung của an toàn sinh học là thực hiện đầy đủ 3 nội dung: cách ly, làm sạch và khử trùng.

3.1. Cách ly là các biện pháp nhằm ngăn chặn, phòng ngừa các tác nhân gây bệnh (mầm bệnh) từ bên ngoài xâm nhập vào cơ sở chăn nuôi trâu, bò hoặc từ cơ sở chăn nuôi trâu, bò (nếu có) ra môi trường bên ngoài.

Việc cách ly bao gồm xây dựng chuồng nuôi tại địa điểm hợp lý, đúng quy định; quản lý con người, động vật, phương tiện đi lại, vận chuyển, các vật tư, thiết bị; dựng hàng rào vật lý hoặc thực hiện nghiêm túc các quy định (về khoảng cách, thời gian trống chuồng, thay giày dép, áo quần, ra vào của người, các vật tư, thiết bị và phương tiện, động vật...) nhằm ngăn chặn nguồn bệnh từ khu vực bên ngoài xâm nhập vào khu vực chăn nuôi và ngược lại.

3.2. Làm sạch là các hoạt động vệ sinh thường xuyên trong khu vực chăn nuôi nhằm loại bỏ bụi bẩn và các tác nhân chứa mầm bệnh bám trên bề mặt các dụng cụ, thiết bị, sàn, tường, trần nhà, xung quanh chuồng, bãi chăn... Việc vệ sinh làm sạch đúng cách sẽ có khả năng loại bỏ hầu hết các tác nhân gây bệnh.

3.3. Khử trùng (tiêu độc) là các hoạt động nhằm diệt các tác nhân gây bệnh còn lại sau khi đã tiến hành làm sạch. Thời gian tiếp xúc có hiệu quả của chất khử trùng với bề mặt cần khử trùng tối thiểu là 10 phút.

Chương II
YÊU CẦU VỀ AN TOÀN SINH HỌC
TRONG CHĂN NUÔI NÔNG HỘ

1. Yêu cầu về chuồng nuôi, khu vực chăn nuôi

1.1. Tách biệt với nhà ở.

1.2. Kiểm soát chặt chẽ người, động vật và phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi; chuồng nuôi phải dễ thực hiện các biện pháp vệ sinh, sát trùng, tiêu độc, phòng bệnh.

1.3. Tại lối ra vào chuồng nuôi phải bố trí hố khử trùng, thay bảo hộ lao động cho người ra, vào khu vực chăn nuôi.

1.4. Nên có ô chuồng nuôi cách ly để nuôi trâu, bò mới nhập hoặc nuôi trâu, bò bị bệnh.

1.5. Có khu vực thu gom và xử lý chất thải; có các biện pháp xử lý chất thải phù hợp (biogas, ủ Compost hoặc bằng chế phẩm sinh học). Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải đảm bảo kín. Nước thải ô chuồng nào thoát riêng ô chuồng đó ra đường thoát nước đến khu vực xử lý.

1.6. Có biện pháp ngăn ngừa côn trùng, chuột, động vật gây hại khác xâm nhập.

2. Yêu cầu về con giống

2.1. Trâu, bò giống phải có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, đảm bảo chất lượng, đã được tiêm phòng các loại vắc-xin theo quy định.

2.2. Đối với trâu, bò nhập từ ngoài tỉnh phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch, trước khi nhập đàn nuôi cách ly ít nhất 14 ngày.

3. Yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng và vệ sinh chăn nuôi

3.1. Yêu cầu về chăm sóc

Mỗi đối tượng như trâu, bò sinh sản; đực giống; trâu, bò thịt; trâu, bò sữa; nghé, bê... cần có chuồng nuôi nhốt với mật độ phù hợp, đảm bảo đáp ứng được các nhu cầu sinh học và tập tính của vật nuôi.

3.2. Yêu cầu về thức ăn

a) Thức ăn sử dụng cho vật nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng và an toàn, không bị mốc, đóng vón. Thức ăn hay nguyên liệu thức ăn phải ghi chép đầy đủ các thông tin để bảo đảm truy xuất gồm: số lượng, tên thức ăn, ngày sản xuất, hạn sử dụng, tên và địa chỉ nhà sản xuất, tên và địa chỉ cơ sở bán.

b) Nguyên liệu thức ăn dự trữ phải đạt yêu cầu về độ ẩm và để trong kho hoặc nơi bảo quản có đủ các tiêu chuẩn về diện tích, độ thông thoáng, nhiệt độ và ngăn ngừa sự phá hoại của sâu mọt, nấm mốc, côn trùng. Khi trộn thức ăn phải vệ sinh sạch sẽ để tránh tạp nhiễm từ mẻ trộn này sang mẻ khác, đặc biệt là mẻ trộn có thuốc và không có thuốc. Nên trộn mẻ không chứa thuốc trước, mẻ chứa thuốc sau. Ghi vào sổ nhật ký sản xuất và lưu trữ hồ sơ tất cả các công thức trộn, trình tự trộn và người thực hiện trộn.

c) Khi đưa vào kho bảo quản, phải đặt đúng vị trí hoặc đúng với bồn, vật chứa đã được đánh dấu. Chú ý đảm bảo nguyên tắc: vào trước ra trước, vào sau ra sau. Thức ăn thô xanh phải đảm bảo sạch sẽ, không nhiễm thuốc bảo vệ thực vật, không mốc, không có tạp chất.

3.3. Yêu cầu về nước dùng cho chăn nuôi

- a) Nước cho trâu, bò uống là nước dùng cho người uống tại địa phương.
- b) Nước vệ sinh: có thể sử dụng nước máy, nước giếng khoan, nước giếng khơi; không được sử dụng nước bị ô nhiễm hoặc nước thải.

3.4. Yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi

- a) Hạn chế tối đa người ngoài ra, vào khu vực chuồng nuôi. Trước khi vào hoặc ra khu vực chăn nuôi, tất cả mọi người phải rửa tay bằng xà phòng hoặc nước khử trùng đồng thời mặc quần áo bảo hộ và thay giày dép.
- b) Khu vực chăn nuôi, máng ăn, máng uống, thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong chăn nuôi phải được vệ sinh thường xuyên sạch sẽ.
- c) Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày, nên thay đổi các loại chất sát trùng để tăng hiệu quả sát trùng.
- d) Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi; phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi. Có biện pháp ngăn ngừa và tiêu diệt ruồi, muỗi, côn trùng, chuột và động vật gây hại khác xâm nhập vào khu vực chuồng nuôi.

đ) Đối với cơ sở chăn nuôi trâu, bò sữa

Có khu vực vắt sữa riêng, đủ diện tích, ánh sáng, nguồn nước sạch, có trang bị hệ thống thanh ngang, giá cố định để đảm bảo an toàn cho người vắt sữa.

Khi vắt sữa cần đảm bảo 4 đúng (đúng giờ, đúng người, đúng địa điểm, đúng kỹ thuật).

Người vắt sữa phải có sức khỏe tốt, không mắc bệnh truyền nhiễm, sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động và vệ sinh sạch sẽ trước khi vắt sữa. Dụng cụ vắt sữa (xô đựng sữa, khăn lau bầu vú, cốc nhúng núm vú) phải được vệ sinh sạch sẽ và khử trùng trước khi dùng.

Ghi chép số lượng bò khai thác sữa, sản lượng sữa, tình trạng sức khỏe của từng con. Tách riêng bò ốm đang điều trị, bò cạn sữa ra khỏi đàn bò khỏe đang vắt sữa. Bò không đủ tiêu chuẩn thu gom sữa để vắt sữa sau cùng.

Sữa được đựng trong thùng nhôm hoặc thùng inox vận chuyển và đưa đến nơi thu gom trong thời gian ngắn nhất.

4. Yêu cầu về xử lý chất thải

4.1. Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ trong chăn nuôi nông hộ nên được xử lý bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: ủ compost, công nghệ khí sinh học (biogas), chế phẩm sinh học, đệm lót sinh học hoặc các giải pháp khác để chất thải sau xử lý phù hợp sử dụng cho cây trồng và không gây ô nhiễm môi trường.

4.2. Việc vận chuyển chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ chưa được xử lý ra khỏi cơ sở chăn nuôi thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.3. Nước thải chăn nuôi trong chăn nuôi nông hộ được xử lý bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: công nghệ khí sinh học, ao sinh học, chế phẩm sinh học hoặc các biện pháp khác được sử dụng cho cây trồng phải đảm bảo hạn chế phát sinh mùi hôi, thối và không để chảy tràn ra môi trường xung quanh.

4.4. Khuyến khích sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón, tưới cho cây trồng sau khi đã xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng. Khuyến khích sử dụng chất thải chăn nuôi để nuôi các loại côn trùng được nuôi để lấy protein ấu trùng làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản và phân côn trùng làm phân bón cho cây trồng.

4.5. Vật nuôi chết vì dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định riêng của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

5. Yêu cầu về ghi chép

5.1. Thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

5.2. Ghi chép số lượng vật nuôi, loại, giống, sức khỏe vật nuôi; số lượng và nguồn gốc thức ăn, vắc-xin, thuốc thú y sử dụng trong suốt quá trình chăn nuôi.

5.3. Ghi chép hàng ngày về tiêu thụ thức ăn, thuốc thú y, vắc-xin sử dụng và tình trạng sức khỏe của đàn trâu, bò.

5.4. Ghi chép xuất bán sản phẩm.

5.5. Lưu giữ hồ sơ ghi chép để đảm bảo truy xuất.

Chương III

YÊU CẦU VỀ AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TRANG TRẠI

1. Yêu cầu về chuồng trại, khu vực chăn nuôi

1.1. Vị trí xây dựng

a) Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi.

b) Nơi xây dựng trang trại phải có đủ nguồn nước cho người, vật nuôi và nước cho các hoạt động chăn nuôi.

1.2. Địa điểm

Chuồng nuôi trâu, bò nên xây dựng ở địa điểm cao ráo, dễ thoát nước, dễ làm vệ sinh.

1.3. Khoảng cách: Quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023; Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30

tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

1.4. Các phân khu chức năng

Bao gồm: khu văn phòng, khu chăn nuôi (gồm khu vệ sinh khử trùng, khu chuồng nuôi, các công trình phụ trợ) và khu thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi. Cần có nội quy/sơ đồ/biển báo, hướng dẫn các khu vực hạn chế người ra, vào và được bố trí tại vị trí dễ người ra, vào dễ quan sát.

a) Khu văn phòng

Phải cách biệt với khu chăn nuôi và khu thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi.

b) Khu vệ sinh khử trùng

Phải có tường hoặc hàng rào bao quanh hoặc biện pháp phù hợp khác nhằm kiểm soát được người và động vật ra vào khu chăn nuôi.

Nơi khử trùng được bố trí ở cổng ra vào khu chăn nuôi, trước mỗi khu chuồng nuôi và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng nuôi.

Có khu vực vệ sinh, khử trùng, thay trang phục bảo hộ riêng (quần áo, giày, dép, ủng....) cho người chăn nuôi và khách thăm quan; đảm bảo cách biệt an toàn với khu chuồng nuôi.

c) Khu chuồng nuôi

Các dãy chuồng nuôi phải bố trí phù hợp với từng lứa tuổi, mục đích sản xuất. Nền chuồng phải cao hơn vườn, ruộng xung quanh tối thiểu 50 cm. Nền chuồng nên láng xi măng, có độ dốc, có rãnh thoát nước.

Chuồng nuôi cần được xây dựng đúng kỹ thuật, đảm bảo thông thoáng về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

Có mật độ nuôi phù hợp với từng lứa tuổi và mục đích sản xuất.

Khoảng cách giữa 02 khu chuồng nuôi hoặc giữa 02 dãy chuồng nuôi cách nhau ít nhất 10 m.

Mỗi dãy chuồng cần có đủ trang thiết bị chăn nuôi gồm có: hệ thống máng ăn, máng uống (hoặc núm uống), hệ thống làm mát ... điều chỉnh nhiệt độ chuồng nuôi; cân, nhiệt kế, ẩm kế, sổ sách ghi chép, các dụng cụ, vật tư thú y khác....

Không sử dụng trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi, thú y... chung giữa các dãy chuồng.

d) Khu phụ trợ, bao gồm:

Khu nuôi tân đáo để nuôi trâu, bò mới nhập.

Khu cách ly đối với trâu, bò ốm.

Khu khác: khu nhập và xuất trâu, bò; bể chứa nước sạch, kho thức ăn, thuốc thú y, hóa chất..... Các khu vực này phải cách biệt với các khu chuồng

nuôi, đảm bảo vệ sinh và khử trùng.

2. Yêu cầu về con giống

2.1. Chỉ nhập trâu, bò giống có nguồn gốc rõ ràng, từ trại sạch bệnh; khỏe mạnh; nếu nhập từ ngoài tỉnh phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch đúng quy định. Con giống phải được công bố Tiêu chuẩn cơ sở.

2.2. Áp dụng nghiêm ngặt quy trình tiêm phòng, nuôi cách ly trâu, bò mới trong chuồng tân đáo ít nhất 14 ngày rồi mới nhập đàn (nếu trâu, bò khỏe mạnh).

Khi sử dụng tinh đông lạnh phải đảm bảo tinh có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được khai thác từ những đực giống tốt, đạt tiêu chuẩn giống, có đầy đủ lý lịch và các hồ sơ quản lý giống theo đúng quy định.

3. Yêu cầu về thức ăn, nước dùng cho chăn nuôi

3.1. Thức ăn

a) Thức ăn phải có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng và an toàn theo quy định của pháp luật về thức ăn chăn nuôi. Thức ăn thô xanh phải an toàn cho vật nuôi, không nhiễm các chất độc hại như thuốc bảo vệ thực vật, chỉ tiêu kim loại nặng, độc tố vượt quá giới hạn cho phép theo quy định. Khi mua thức ăn hay nguyên liệu thức ăn (kể cả thức ăn thô xanh) phải ghi chép đầy đủ các thông tin để bảo đảm truy xuất gồm: số lượng, tên thức ăn, ngày sản xuất, hạn sử dụng, tên và địa chỉ nhà sản xuất, tên và địa chỉ cơ sở bán.

b) Bảo quản thức ăn: bảo quản trong kho, hoặc silo chuyên dụng. Kho hoặc silo có đủ diện tích, độ thông thoáng để đảm bảo chất lượng thức ăn trong quá trình bảo quản; không có nguy cơ nhiễm các chất độc hại vào thức ăn; hạn chế tối đa nhiễm bẩn, bụi từ bên ngoài; ngăn ngừa sự xâm nhập, phá hoại của động vật gây hại. Thức ăn tinh và nguyên liệu thức ăn tinh phải xếp riêng từng loại, có thông tin nhận biết để tránh nhầm lẫn, và được đặt trên kệ cao hơn mặt nền tối thiểu 20 cm và cách tường 20 cm. Kho phải luôn được vệ sinh sạch sẽ. Không để thuốc sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, xăng, dầu, hóa chất... trong kho.

c) Khi trộn thức ăn phải vệ sinh sạch sẽ để tránh tạp nhiễm từ mẻ trộn này sang mẻ khác, đặc biệt là mẻ trộn chứa thuốc và không chứa thuốc. Nên trộn mẻ không chứa thuốc trước, mẻ chứa thuốc sau. Ghi vào sổ nhật ký sản xuất và lưu trữ hồ sơ tất cả các công thức trộn, trình tự trộn và người phụ trách trộn.

Khi chế biến thức ăn thô xanh phải ghi chép đầy đủ công thức chế biến, thời gian chế biến, nguồn gốc các chất sử dụng để chế biến và lưu thông tin ghi chép theo quy định để đảm bảo truy xuất. Vật chứa thức ăn sau chế biến phải có thông tin để nhận biết trong quá trình bảo quản và khi đưa vào sử dụng để tránh nhầm lẫn.

3.2. Nước uống

a) Trang trại phải có đủ nguồn nước sạch để sử dụng cho người và vật nuôi.

b) Chất lượng nước đạt các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Phải định kỳ lấy mẫu nước uống đi phân tích để đảm bảo chất lượng nước phù hợp quy chuẩn và các quy định khác liên quan.

c) Nước uống phải được chứa trong bồn hoặc trong bể có nắp đậy; có tấm chống nắng, dẫn vào chuồng nuôi bằng hệ thống ống nhựa đảm bảo chắc chắn, an toàn. Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp nước từ đầu nguồn đến máng uống.

d) Luôn cho trâu, bò uống đủ nước sạch, uống tự do theo nhu cầu.

3.3. Nước vệ sinh: có thể sử dụng nước máy, nước giếng khoan, nước giếng khơi; không được sử dụng nước bị ô nhiễm hoặc nước thải.

4. Yêu cầu về chăm sóc nuôi dưỡng

4.1. Theo dõi chặt chẽ lượng thức ăn tiêu thụ; hành vi, tập tính bình thường của trâu, bò để đánh giá sức khỏe của vật nuôi, phát hiện kịp thời trâu, bò ốm.

4.2. Lập chương trình vắc-xin theo khuyến cáo của cơ quan thú y.

5. Yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi

5.1. Trong trại phải có hệ thống nhà tắm - vệ sinh sát trùng.

5.2. Vệ sinh trước mỗi lứa nuôi

a) Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng nghiêm ngặt: chuồng nuôi, hệ thống máng ăn, bạt che, trần nhà...; chuồng nuôi sau khi tiêu độc, khử trùng phải để trống chuồng tối thiểu 3 ngày trước khi đưa trâu, bò vào chuồng nuôi.

b) Phun khử trùng bằng hóa chất đối với tất cả các dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi trước khi đưa vào sử dụng. Sau ít nhất 30 phút mới đưa vào kho hoặc khu vực chứa dụng cụ; sau ít nhất 48 giờ mới đưa vào sử dụng.

Tất cả các dụng cụ sau khi sử dụng, phải rửa sạch bằng nước, để khô và phun thuốc khử trùng trước khi cất vào kho hoặc khu vực chứa dụng cụ.

c) Đối với thức ăn, thuốc thú y, chế phẩm, hóa chất... phải được đóng gói trong bao bì kín không thấm nước hoặc vật chứa chuyên dụng, trước khi đưa vào trại phải được phun hóa chất khử trùng bên ngoài bao bì, vật chứa tại cổng trại. Sau ít nhất 30 phút mới đưa vào kho hoặc khu vực chứa, bảo quản.

5.3. Vệ sinh trong quá trình chăn nuôi

a) Tại các hố khử trùng (hoặc giàn phun khử trùng) ở cổng và trước các dãy chuồng, phải bổ sung hàng ngày hóa chất khử trùng; định kỳ thay đổi các loại hóa chất khử trùng khác nhau để tăng hiệu quả khử trùng.

b) Định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh khu chăn nuôi ít nhất 2 lần/tuần; phun thuốc khử trùng trong chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không

có dịch bệnh bằng các dung dịch khử trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Đối với chuồng nuôi sử dụng đệm lót sinh học thì không phun thuốc khử trùng trong chuồng nuôi.

c) Diệt ruồi, muỗi trong và ngoài chuồng nuôi bằng cách phun thuốc diệt ruồi muỗi định kỳ 3 tháng/1 lần theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Sử dụng thuốc diệt chuột định kỳ 3 tháng/1 lần và tại các chuồng sau khi đã xuất trâu, bò. Nếu trong trại có nhiều ruồi, muỗi và chuột thì tổ chức tiêu diệt kịp thời. Ưu tiên sử dụng các phương pháp diệt động vật có hại bằng các biện pháp thân thiện với môi trường.

d) Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tháng.

đ) Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày.

e) Khử trùng nước uống, dùng Chlorine với liều 5-10 ppm để xử lý nước ít nhất 2 giờ trước khi sử dụng - cách pha cụ thể theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

g) Vệ sinh, khử trùng đồ bảo hộ và các dụng cụ chăn nuôi thú y sau khi sử dụng.

h) Báo cáo thú y và chính quyền địa phương khi có dịch bệnh hoặc nghi ngờ có dịch bệnh.

i) Quy trình tránh nhiễm chéo

Trong quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, người chăn nuôi phải đi từ khu nuôi bê, ghé đến khu nuôi trâu, bò. Khi di chuyển giữa các dãy chuồng, cần vệ sinh ủng, rửa tay và sát trùng đúng quy định.

5.4. Vệ sinh khi kết thúc mỗi đợt nuôi

a) Hệ thống máng ăn, máng uống: tháo rời các bộ phận không gắn liền; rửa bằng nước sạch với áp lực cao, vệ sinh sạch sẽ bằng chất tẩy rửa, ngâm hóa chất khử trùng trong 60 phút, rửa lại bằng nước sạch và làm khô.

b) Hệ thống chứa và dẫn nước uống: vệ sinh sạch sẽ toàn bộ hệ thống; ngâm toàn bộ hệ thống trong dung dịch khử trùng trong 12 giờ, sau đó súc xả bằng nước sạch.

c) Các thiết bị điện, quạt, máy bơm, mô tơ... phải khử trùng bằng hóa chất phù hợp không ăn mòn, có thể xông bằng formol hoặc chiếu tia UV nếu có điều kiện.

d) Thu dọn toàn bộ độn chuồng (nếu có) đem đi ủ phân hữu cơ.

đ) Để trống chuồng ít nhất 14 ngày trước khi đưa gia súc mới vào nuôi.

5.5. Vệ sinh vắt sữa đối với cơ sở chăn nuôi trâu, bò sữa

a) Có khu vực vắt sữa riêng, đủ diện tích, ánh sáng, nguồn nước sạch, có trang bị hệ thống thanh ngáng, giá cố định để đảm bảo an toàn cho người vắt sữa.

b) Khi vắt sữa cần đảm bảo 4 đúng (đúng giờ, đúng người, đúng địa điểm,

đúng kỹ thuật).

c) Người vắt sữa phải có sức khỏe tốt, không mắc bệnh truyền nhiễm, sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động và vệ sinh sạch sẽ trước khi vắt sữa. Dụng cụ vắt sữa (xô đựng sữa, khăn lau bầu vú, cốc nhúng núm vú) phải được vệ sinh sạch sẽ và khử trùng trước khi dùng.

d) Ghi chép số lượng bò khai thác sữa, sản lượng sữa, tình trạng sức khỏe của từng con. Tách riêng bò ốm đang điều trị, bò cạn sữa ra khỏi đàn bò khỏe đang vắt sữa. Bò không đủ tiêu chuẩn thu gom sữa để vắt sữa sau cùng.

đ) Sữa được đựng trong thùng nhôm hoặc thùng inox vận chuyển và đưa đến nơi thu gom trong thời gian ngắn nhất.

6. Yêu cầu về môi trường và xử lý chất thải chăn nuôi

Để hạn chế tác hại của chất thải trong chăn nuôi, cần làm tốt các việc sau đây:

6.1. Thiết kế chuồng trại hợp vệ sinh để người chăn nuôi dễ dàng thu gom chất thải; không để tồn đọng chất thải và phát tán chất thải ra ngoài.

6.2. Khuyến khích sử dụng công nghệ vi sinh vật như sử dụng EM, men vi sinh vật ... để xử lý chất thải chăn nuôi, hạn chế đến mức thấp nhất sự phát tán mùi và khí thải ra môi trường.

6.3. Thường xuyên phân loại rác thải trong trang trại để xử lý đúng và kịp thời đối với từng loại. Các chất thải ni lông, bơm tiêm, chai lọ đựng thuốc, hộp đựng vắc-xin.... cần được tập kết vào nơi quy định riêng để tiêu hủy theo quy định.

6.4. Với độn, lót chuồng (nếu có), sau khi xuất chuồng cần thu gom triệt để, tập kết vào khu vực riêng ở cuối khu chăn nuôi để ủ phân hữu cơ. Nơi chứa phân cần có mái che, có tường bao, nền lán xi măng... đảm bảo chất thải không tràn ra ngoài gây ô nhiễm môi trường.

Chất thải cần được xuất qua cổng riêng, không đi qua cổng chính của khu chăn nuôi.

6.5. Với xác chết trâu, bò: Xác trâu, bò chết do dịch bệnh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về Chăn nuôi và Thú y.

6.6. Nước thải từ chuồng nuôi phải chảy theo cống gom vào bể chứa, không xả tràn lan ra môi trường. Nước thải phải đạt chỉ số an toàn khi đi ra môi trường bên ngoài hoặc phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi sử dụng làm nước tưới cho cây trồng hoặc mục đích khác.

7. Yêu cầu về kiểm soát người và động vật ra vào khu vực chăn nuôi

7.1. Quản lý con người, thực phẩm và vật dụng

a) Người trực tiếp làm công việc chăn nuôi phải hạn chế ra ngoài đến mức thấp nhất; phải được đào tạo về an toàn sinh học và quy trình chăn nuôi; được cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ: giày/ ủng, khẩu trang, găng tay và quần áo bảo hộ.

b) Nguyên tắc di chuyển trong trại: đi từ khu nuôi bê, ghé đến khu nuôi trâu, bò; đi từ khu vực sạch đến khu vực bẩn. Mọi người, khi đã vào khu cách ly và khu xử lý chất thải thì không đi ngược trở lại các khu chuồng khác (muốn vào thì phải tắm, vệ sinh lại từ đầu).

c) Chỉ được đem thức ăn nấu chín vào trại và phải để tại khu nhà ăn; không mang thực phẩm có nguồn gốc từ trâu, bò vào trong khu chăn nuôi.

d) Mỗi dãy chuồng có bộ dụng cụ, thiết bị được sơn màu khác nhau hoặc được đánh dấu khác nhau để dễ nhận biết và không đem dụng cụ từ dãy chuồng này sang dãy chuồng khác.

7.2. Khách vào trại

a) Khách có kế hoạch vào trại phải đăng ký tên vào sổ của bảo vệ; đảm bảo không tiếp xúc với trâu, bò và sản phẩm trâu, bò sống 72 giờ trước khi vào trại; không được vào trại khi trâu, bò trong trại đang bị bệnh; phải tuân thủ theo quy định an toàn sinh học của trại.

b) Không nên mang vật khó sát trùng hoặc không cần thiết vào trại (như nhẫn, đồng hồ...) hoặc các vật dùng cá nhân phải được khử trùng trước khi khách mang theo vào khu chăn nuôi. Ngay khi vào cổng trại, phải tắm rửa, sát trùng sạch sẽ, thay giày/ủng và sử dụng giày/ủng của trại; dầm giày/ủng vào hố sát trùng (dung dịch sát trùng hay vôi bột); sát trùng tay.

Trường hợp cán bộ chuyên ngành cần vào trại để làm việc, phải báo trước và phải được tắm gội, thay quần áo, giày dép; mặc quần áo, dụng cụ bảo hộ của trại. Trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng. Trường hợp trại đang trong thời gian cách ly để phòng, chống dịch, nhân viên trong trại sử dụng công nghệ số để hợp tác, hỗ trợ cho cán bộ chuyên ngành thực thi nhiệm vụ.

7.3. Kiểm soát các loài vật gây hại

a) Sử dụng hệ thống lưới ngăn côn trùng: ve, ruồi, muỗi; dụng cụ nhử, bắt/điệt côn trùng, ruồi, muỗi.

b) Thường xuyên hoặc định kỳ đặt bẫy chuột, loài gặm nhấm trong trại, ưu tiên sử dụng các biện pháp sinh học an toàn trong hoạt động này như bả sinh học, bẫy cơ học...

c) Không nuôi và thả rông các động vật khác như chó, mèo... trong trại.

7.4. Kiểm soát phương tiện vận chuyển ra vào trại

a) Xe không có phận sự không được phép vào khuôn viên trại.

b) Xe vận chuyển thức ăn, con giống, thiết bị... phải được vệ sinh, sát trùng sạch sẽ, đặc biệt là các bánh xe, gầm và nóc xe trước khi vận chuyển ngay tại cổng trại.

c) Khu vực xuất nhập trâu, bò

Vệ sinh, sát trùng khu vực xuất/nhập trâu, bò, đặc biệt là trước và sau mỗi lần xuất/nhập.

Hệ thống nước thải từ khu vực xuất - nhập không được chảy hòa chung vào hệ thống nước thải của các dãy chuồng trâu, bò.

d) Xe vận chuyển và các dụng cụ trong trại chỉ đi lại trong nội bộ trại, không được ra ngoài.

8. Yêu cầu ghi chép

8.1. Thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

8.2. Ghi chép theo dõi nguồn gốc giống trâu, bò: (1) giống; (2) số lượng; (3) loại trâu bò (sinh sản hay vỗ béo, nuôi thịt hay lấy sữa); (4) ngày bắt đầu nuôi; (5) ngày kết thúc.

8.3. Ghi chép hàng ngày về nguồn nhập nguyên liệu và thức ăn hỗn hợp; quá trình sử dụng thức ăn.

8.4. Ghi chép xuất bán sản phẩm: trâu bò, bê nghé bán; sản lượng sữa...

8.5. Ghi chép tình hình thú y: Đầu con hàng ngày (số con ốm, chết, nguyên nhân...); thuốc thú y sử dụng; vắc xin sử dụng và tình trạng sức khỏe của đàn trâu bò.

Lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi.

9. Yêu cầu về đào tạo, tập huấn

Cần có tài liệu tập huấn về an toàn sinh học trong chăn nuôi. Thực hiện đào tạo về an toàn sinh học trong chăn nuôi cho tất cả người lao động tại cơ sở chăn nuôi.

Một số nội dung chi tiết được hướng dẫn tại các Mẫu kèm theo

Số TT	Tên mẫu
1	Hướng dẫn nội quy ra vào trại chăn nuôi
2	Một số biểu mẫu ghi chép dùng trong cơ sở chăn nuôi

Mẫu 1:**NỘI QUY AN TOÀN SINH HỌC TRẠI CHĂN NUÔI**

1. Không vận chuyển trâu, bò bị bệnh ra khỏi trại.
2. Không cho trâu, bò ăn thức ăn bị mốc, hỏng, quá hạn và nghi ngờ nhiễm khuẩn.
3. Không tự do ra, vào trại chăn nuôi.
4. Không nhập trâu, bò mà không nuôi cách ly.
5. Không đi từ nơi bẩn đến nơi sạch trong trại để tránh lây nhiễm chéo.
6. Không mang các loại thức ăn vào trại.
7. Không giết mổ trâu bò bị bệnh trong trại.
8. Vệ sinh sát trùng tiêu độc định kỳ bằng các thuốc sát trùng.
9. Lập hàng rào để ngăn ngừa sự xâm nhập của người lạ và vật truyền bệnh.
10. Vệ sinh sát trùng toàn bộ các phương tiện, thiết bị mang vào trại.
11. Thường xuyên tăng cường sức đề kháng cho trâu, bò và tiêm phòng đầy đủ các loại vắc-xin theo quy định.
12. Nước uống cho gia súc phải được kiểm tra định kỳ.
13. Thay quần áo, giày dép, tắm rửa, sát trùng người trước khi vào trại.
14. Báo cáo thú y và chính quyền địa phương khi nghi ngờ trâu, bò bị bệnh.

Mẫu 2:**MỘT SỐ BIỂU MẪU GHI CHÉP TRONG CƠ SỞ CHĂN NUÔI
THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên cơ sở chăn nuôi:.....
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Tên giống:
5. Mua tại cơ sở nào:
6. Ngày tháng bắt đầu nuôi:
7. Tuổi lúc bắt đầu nuôi:
8. Số lượng (con):
9. Phương thức chăn nuôi:
10. Diện tích chuồng nuôi:
11. Kiểu chuồng nuôi:
12. Diện tích toàn bộ khu vực chăn nuôi:

CÁC BIỂU MẪU GHI CHÉP

Biểu 1: Theo dõi ghi chép hàng ngày

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (con) (2)	Số lượng thức ăn cho ăn (kg) (3)	Số lượng thức thừa (4)	Tình trạng trâu, bò (5)	Ghi chú (6)

Biểu 2: Theo dõi mua thức ăn chăn nuôi

Ngày, tháng, năm (1)	Tên thức ăn (2)	Số lượng (kg) (3)	Đơn giá (đồng/kg) (4)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán và địa chỉ (5)

Biểu 3: Theo dõi mua nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Ngày, tháng, năm (1)	Tên nguyên liệu thức ăn (2)	Số lượng (kg) (3)	Đơn giá (đồng/kg) (4)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán và địa chỉ (5)

Biểu 4: Mẫu ghi chép theo dõi thụ tinh nhân tạo bò (trâu)

Tên trai:

Địa chỉ:

[illegible]

Biểu 5: Theo dõi mua vắc-xin và thuốc thú y

Ngày, tháng, năm (1)	Tên vắc-xin và thuốc (2)	Số lượng (liều, kg, g, gói...) (4)	Giá (đồng/liều, kg, g, gói...) (5)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán/nhà sản xuất và địa chỉ (6)	Cách bảo quản (để trong tủ lạnh, để bên ngoài) (7)

Biểu 6: Theo dõi sử dụng vắc-xin và thuốc thú y

Ngày, tháng, năm (1)	Số hiệu trâu (bò) (2)	Loại vắc-xin hoặc thuốc thú y (3)	Mã số, hạn sử dụng (4)	Cách sử dụng (tiêm, cho uống) (5)	Liều lượng sử dụng (6)	Tình trạng sau khi sử dụng (7)

Biểu 7: Theo dõi sử dụng thuốc sát trùng

Ngày, tháng, năm (1)	Tên thuốc sát trùng (2)	Số lượng thuốc (3)	Diện tích phun (4)	Loại máy/dụng cụ phun (5)	Tên người phun (6)

Biểu 8: Theo dõi sức khỏe đàn trâu, bò

Ngày, tháng, năm (1)	Số hiệu trâu (bò) (2)	Triệu chứng (biểu hiện) (3)	Nguyên nhân sơ bộ (4)	Chẩn đoán (5)	Hướng điều trị (6)

Biểu 9: Theo dõi lấy mẫu xét nghiệm

Ngày, tháng, năm (1)	Mẫu xét nghiệm (máu) (2)	Lý do gửi xét nghiệm (3)	Nơi gửi xét nghiệm (4)	Kết luận của cơ quan xét nghiệm (5)	Kế hoạch kiểm soát (6)	Tên người lấy mẫu (7)

Biểu 10: Theo dõi xuất bán giống, thịt

Ngày, tháng, năm (1)	Loại sản phẩm (2)	Số lượng (con) (3)	Tổng khối lượng bán ra (kg) (4)	Tên người mua, địa chỉ (5)	Ghi chú (6)

Biểu 11: Theo dõi khách tham quan

Số TT	Tên khách	Số điện thoại	Địa chỉ	Ngày đến	Ngày đi	Ký tên	Ghi chú

Biểu 12: Danh sách nhân công

Tên công nhân (1)	Căn cước/ Số định danh cá nhân (2)	Địa chỉ (3)

Phụ lục II
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BIỆN PHÁP AN TOÀN SINH HỌC
CHO CƠ SỞ CHĂN NUÔI LỢN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CNTY-KHCNMT ngày tháng năm
của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

Cơ sở chăn nuôi lợn quy mô nông hộ và trang trại trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ

An toàn sinh học trong chăn nuôi lợn là tổng hợp các biện pháp kỹ thuật và quản lý được áp dụng nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân gây bệnh có khả năng gây hại đến con người, vật nuôi và hệ sinh thái.

3. Nguyên tắc thực hiện an toàn sinh học trong cơ sở chăn nuôi

Nguyên tắc chung của an toàn sinh học là thực hiện đầy đủ 3 nội dung: cách ly, làm sạch và khử trùng.

3.1. Cách ly là các biện pháp nhằm ngăn chặn, phòng ngừa các tác nhân gây bệnh (mầm bệnh) từ bên ngoài xâm nhập vào cơ sở chăn nuôi lợn hoặc từ cơ sở chăn nuôi lợn (nếu có) ra môi trường bên ngoài. Việc cách ly bao gồm cả việc xây dựng chuồng, trại chăn nuôi tại địa điểm hợp lý, đúng quy định; quản lý con người, động vật, các vật tư, thiết bị, phương tiện đi lại, vận chuyển và dựng hàng rào vật lý hoặc thực hiện nghiêm túc các quy định (về khoảng cách, thời gian trống chuồng, thay giày dép, áo quần, ra vào cửa người, các vật tư, thiết bị và phương tiện, động vật...) nhằm ngăn chặn nguồn bệnh từ khu vực bên ngoài xâm nhập vào khu vực chăn nuôi và ngược lại.

3.2. Làm sạch là các hoạt động vệ sinh thường xuyên trong khu vực chăn nuôi nhằm loại bỏ bụi bẩn và các tác nhân chứa mầm bệnh bám trên bề mặt các dụng cụ, thiết bị, sàn, tường, trần nhà, xung quanh chuồng,... Việc vệ sinh làm sạch đúng cách sẽ có khả năng loại bỏ hầu hết các tác nhân gây bệnh.

3.3. Khử trùng, tiêu độc là các hoạt động nhằm tiêu diệt các tác nhân gây bệnh còn lại sau khi đã tiến hành làm sạch. Thời gian tiếp xúc có hiệu quả của chất khử trùng với bề mặt cần khử trùng tối thiểu là 10 phút.

Chương II
YÊU CẦU VỀ AN TOÀN SINH HỌC
TRONG CHĂN NUÔI NÔNG HỘ

1. Yêu cầu về chuồng nuôi, khu vực chăn nuôi

1.1. Tách biệt với nhà ở, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, tránh mưa tạt, gió lùa.

1.2. Kiểm soát chặt chẽ người, động vật và phương tiện ra vào khu vực

chăn nuôi; chuồng nuôi phải dễ thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, phòng bệnh; có biện pháp ngăn ngừa côn trùng, chuột, động vật gây hại khác xâm nhập.

1.3. Được phân thành các ô chuồng phù hợp cho lợn nái, lợn thịt, lợn đực giống.

1.4. Tại lối ra vào chuồng nuôi phải bố trí hố khử trùng, thay bảo hộ lao động cho người ra, vào khu vực chăn nuôi.

1.5. Nên có ô chuồng nuôi cách ly: nuôi lợn mới nhập hoặc nuôi lợn bị bệnh.

1.6. Có khu vực thu gom và xử lý chất thải; có các biện pháp xử lý chất thải phù hợp (biogas, ủ phân, xử lý mùi bằng chế phẩm sinh học).

1.7. Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải đảm bảo kín. Nước thải từ dãy chuồng nào thoát riêng theo dãy chuồng đó ra đường thoát nước đến khu vực xử lý.

1.8. Có biện pháp phòng chống thiên tai, hỏa hoạn.

2. Yêu cầu về con giống

2.1. Lợn giống phải có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, đảm bảo chất lượng, đã được tiêm phòng các loại vắc xin theo quy định.

2.2. Đối với lợn nhập từ ngoài tỉnh phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch, nuôi cách ly ít nhất 14 ngày trước khi nhập đàn.

3. Yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng và vệ sinh chăn nuôi

3.1. Yêu cầu về chăm sóc

Tùy vào đối tượng, mục đích chăn nuôi bố trí ô chuồng đáp ứng yêu cầu về mật độ nuôi giữ và tập tính sinh học của lợn.

3.2. Yêu cầu về thức ăn

a) Thức ăn mua về phải có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng và an toàn: không bị mốc, đóng vón. Khi nhập thức ăn hay nguyên liệu thức ăn phải ghi chép đầy đủ các thông tin về số lượng, tên hàng, ngày sản xuất, hạn sử dụng.

b) Thức ăn, nguyên liệu thức ăn dự trữ trong kho có đủ diện tích, độ thông thoáng hạn chế tối đa nhiễm bẩn, bụi từ bên ngoài và ngăn ngừa sự xâm nhập, phá hoại của động vật gây hại. Khu vực chế biến, các trang thiết bị, vật dụng tiếp xúc trực tiếp với thức ăn phải vệ sinh sạch sẽ để tránh nhiễm bẩn, nhiễm chéo. Đặc biệt là mẻ trộn thức ăn có thuốc và không có thuốc, nên trộn mẻ không chứa thuốc trước, mẻ chứa thuốc sau. Ghi vào sổ nhật ký sản xuất và lưu trữ hồ sơ tất cả các công thức trộn, trình tự trộn và người phụ trách trộn.

Trường hợp sử dụng thức ăn tận dụng phải được xử lý nhiệt trước khi cho ăn. Không cho lợn ăn thức ăn thừa trong máng ăn của đàn lợn đã xuất chuồng hay thức ăn của đàn lợn bị ốm hoặc nghi bị ốm.

3.3. Yêu cầu về nước

a) Nước uống: nên có nguồn cấp riêng để dễ dàng thực hiện các biện pháp xử lý. Nguồn nước uống phải sạch, an toàn, hợp vệ sinh. Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo bồn chứa nước, hệ thống cấp nước không bị hỏng, không bị rò rỉ, không bị ô nhiễm do bụi, chất bẩn.

b) Nước dùng để tắm, rửa, vệ sinh: có thể sử dụng nước máy, nước giếng khoan. Không được sử dụng nước ao bị nhiễm khuẩn hoặc nước thải sinh hoạt.

3.4. Yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi

a) Yêu cầu chung: khu vực chăn nuôi, máng ăn, máng uống, thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong chăn nuôi phải được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc thường xuyên; quá trình vệ sinh khử trùng, tiêu độc phải tuân thủ 6 bước sau:

Bước 1: vệ sinh khô để loại bỏ đi nhiều nhất có thể các chất thải, vật chất hữu cơ khỏi khu vực chăn nuôi, phương tiện, dụng cụ cần vệ sinh.

Bước 2: làm ẩm và phun chất tẩy rửa lên bề mặt để làm mềm, bong các vật chất hữu cơ, màng sinh học dễ tẩy rửa.

Bước 3: rửa bằng máy phun áp lực cao để làm sạch, tẩy rửa các chất hữu cơ, chất tẩy rửa còn sót lại.

Bước 4: để khô nhằm tránh sự pha loãng chất sát trùng khi sử dụng.

Bước 5: phun dung dịch khử trùng, tiêu độc sau khi đã được pha đúng liều, đúng cách theo chỉ định, hướng dẫn của nhà sản xuất.

Bước 6: để khô, tránh pha loãng chất sát trùng vừa phun và để chúng phát huy tác dụng.

b) Hạn chế tối đa người ngoài ra, vào khu vực chuồng nuôi. Trước và sau khi vào, ra khu chăn nuôi phải thay bảo hộ lao động, sát trùng tay, nhúng ủng hoặc giày, dép vào hồ khử trùng. Chất sát trùng tại các hồ sát trùng ở cổng ra vào khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày, cần thay đổi các loại chất sát trùng để tăng hiệu quả sát trùng. Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày. Thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong chăn nuôi phải được khử trùng, tiêu độc thường xuyên.

c) Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi; phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi.

d) Sau mỗi đợt nuôi phải làm vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 7 ngày trước khi đưa lợn vào nuôi. Trong trường hợp chuồng nuôi bị dịch, nếu tái đàn nên để trống chuồng ít nhất 30 ngày và được sự đồng ý của chính quyền địa phương.

4. Thu gom và xử lý chất thải

4.1. Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ trong chăn nuôi nông hộ được xử lý bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: ủ compost, công nghệ khí sinh học (biogas), chế phẩm sinh học, độn lót sinh học hoặc các giải pháp khác để sử

dụng cho cây trồng và không gây ô nhiễm cho môi trường.

4.2. Việc vận chuyển chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ chưa được xử lý ra khỏi cơ sở chăn nuôi phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.3. Các chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lý bằng đường thoát riêng. Nước thải chăn nuôi trong chăn nuôi nông hộ được xử lý bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: công nghệ khí sinh học, ao sinh học, chế phẩm sinh học hoặc các biện pháp khác được sử dụng cho cây trồng phải đảm bảo hạn chế phát sinh mùi hôi, thối và không để chảy tràn ra môi trường xung quanh.

4.4. Khuyến khích sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón, tưới cho cây trồng sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật.

4.5. Giảm phát thải khí thải chăn nuôi bằng việc thực hiện vệ sinh chuồng nuôi thường xuyên, định kỳ và có biện pháp xử lý mùi hôi không gây ảnh hưởng đến môi trường chung.

4.6. Xác vật nuôi chết thông thường phải thu gom xử lý bằng việc nấu chín, ủ phân, chôn lấp theo quy định; vật nuôi chết vì dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

5. Yêu cầu về ghi chép sổ sách

5.1. Thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

5.2. Ghi chép số lượng vật nuôi, loại, giống, sức khỏe, điều trị; các nguyên liệu vật tư đầu vào (thức ăn, thuốc thú y, chất độn chuồng...: số lượng, chất lượng, nguồn gốc,...); xuất, bán sản phẩm trong quá trình chăn nuôi (tham khảo mẫu 5).

5.3. Nếu có dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương.

Chương III

YÊU CẦU VỀ AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TRANG TRẠI

1. Yêu cầu về chuồng trại và khu phụ trợ chăn nuôi khác

1.1. Yêu cầu trại chăn nuôi

a) Vị trí, địa điểm

Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi theo quy định của UBND tỉnh; nơi xây dựng trang trại phải có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi.

Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trại chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh nhằm kiểm soát được người và động vật ra vào trại.

Có bảng nội quy quy định việc ra vào trại cho người làm và khách tham quan trại; nêu ra những qui định thực thi cụ thể và áp dụng trong trang trại chăn nuôi lợn (tham khảo Mẫu 1).

Công ra vào trại chăn nuôi, khu chuồng nuôi và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng nuôi phải bố trí hố khử trùng.

Trại chăn nuôi phải bố trí riêng biệt các khu: khu chăn nuôi; khu vệ sinh, sát trùng thiết bị chăn nuôi; khu tắm rửa, khử trùng, thay quần áo cho công nhân và khách thăm quan; khu cách ly lợn ốm; khu mổ khám lâm sàng và lấy bệnh phẩm; khu tập kết và xử lý chất thải; khu làm việc của cán bộ chuyên môn; các khu phụ trợ khác (nếu có).

Có phương án phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, biến đổi khí hậu.

b) Khoảng cách: khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

1.3. Quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023; Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

1.2. Yêu cầu chuồng nuôi và khu phụ trợ khác

a) Chuồng nuôi

Chuồng nuôi lợn xây dựng ở địa điểm cao ráo, dễ thoát nước, dễ làm vệ sinh và đảm bảo luôn khô ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

Chuồng nuôi lợn phải bố trí phù hợp với từng lứa tuổi của lợn và mục đích sản xuất. Nền chuồng hoặc sàn chuồng bằng bê tông (hoặc có thể bằng nhựa, bằng gang đối với lợn nái nuôi con, lợn con sau cai sữa đến 30 kg) và phải đảm bảo không trơn trượt và phải có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn, có độ dốc đối với chuồng nền. Vách chuồng phải nhẵn, không có góc sắc, đảm bảo lợn không bị trầy xước khi cọ sát vào vách chuồng.

Khoảng cách giữa các khu chuồng nuôi, các dãy chuồng nuôi cách nhau ít nhất là 10 mét.

Mật độ nuôi phù hợp với từng lứa tuổi của lợn và mục đích sản xuất (tham khảo Mẫu 2).

b) Khu phụ trợ khác

Có khu vực vệ sinh, khử trùng, thay trang phục bảo hộ riêng (quần áo, giày, dép, ủng) cho người chăn nuôi và khách thăm quan đảm bảo cách biệt

an toàn với khu chuồng nuôi lợn.

Có khu cách ly đối với lợn mới nhập, lợn ốm cách biệt an toàn với khu chuồng nuôi lợn.

Có khu vực thu gom và xử lý chất thải (nơi ủ phân, biogas) đảm bảo cách biệt với khu chuồng nuôi lợn và phù hợp với điều kiện của trang trại. Xây dựng đường thoát nước thải riêng cho từng ô chuồng vào đường thoát nước thải chung của chuồng nuôi. Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải phải đảm bảo kín và dễ thoát nước thải.

Có các khu vực phụ trợ như khu vực nhập và xuất lợn riêng biệt, bể chứa nước sạch, khu vực để thức ăn, thuốc thú y, hóa chất cách biệt với các khu chuồng nuôi lợn và các khu vực khác, đảm bảo dễ vệ sinh và khử trùng.

Không nên sử dụng chung trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi giữa các dãy chuồng.

Với phương thức chăn nuôi chuồng kín: chuồng nuôi cần bố trí quạt hút gió, giàn mát, đèn chiếu sáng và các trang thiết bị liên quan đảm bảo yêu cầu về ánh sáng, chống nóng, chống lạnh và lưu thông không khí hiệu quả cho chuồng nuôi. Bố trí hệ thống quạt hút gió không thổi không khí của chuồng này vào chuồng khác.

Với phương thức chăn nuôi chuồng hở: sử dụng lưới hoặc bạt bao xung quanh chuồng nuôi để ngăn chặn côn trùng, động vật gây hại.

2. Yêu cầu về con giống

2.1. Lợn giống: lợn mới được nhập về nuôi phải khỏe mạnh có nguồn gốc rõ ràng và an toàn dịch bệnh (lợn đã được nuôi giữ tại cơ sở giống ít nhất 30 ngày trước đó; không xuất hiện trường hợp nào mắc 04 bệnh: dịch tả lợn Châu Phi, dịch tả lợn cổ điển, hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản ở lợn, lở mồm long móng trong thời gian 03 tháng). Đối với lợn giống để nuôi sinh sản và nhân giống phải có đầy đủ bản công bố tiêu chuẩn chất lượng và hồ sơ giống theo quy định. Nên áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên: cả khu, dãy chuồng, ô chuồng; đối với lợn nhập từ ngoài tỉnh phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch. Lợn trước khi nhập đàn phải được nuôi ở khu cách ly ít nhất 14 ngày.

2.2. Tinh dịch lợn: phải đảm bảo có nguồn gốc rõ ràng, được khai thác từ những lợn đực giống khỏe mạnh (lợn đực khai thác tinh đã được nuôi giữ tại cơ sở giống ít nhất 30 ngày trước đó; không xuất hiện trường hợp nào mắc 04 bệnh: dịch tả lợn Châu Phi, dịch tả lợn cổ điển, hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản ở lợn, lở mồm long móng trong thời gian 03 tháng), đạt tiêu chuẩn giống, có đầy đủ lý lịch và các hồ sơ quản lý giống theo đúng quy định.

3. Yêu cầu về thức ăn, nước uống

3.1. Thức ăn

a) Chỉ sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, đầy đủ dinh dưỡng, phù hợp

giống, lứa tuổi của lợn; không bị vón, mốc và còn hạn sử dụng, đảm bảo chất lượng và an toàn. Nên bổ sung chế phẩm sinh học để tăng khả năng tiêu hóa cho lợn.

b) Bảo quản thức ăn: bảo quản trong kho, hoặc silo chuyên dụng. Kho hoặc silo có đủ diện tích, độ thông thoáng để đảm bảo chất lượng thức ăn trong quá trình bảo quản; không có nguy cơ nhiễm các chất độc hại vào thức ăn; hạn chế tối đa nhiễm bẩn, bụi từ bên ngoài; ngăn ngừa sự xâm nhập, phá hoại của động vật gây hại. Thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn phải xếp riêng từng loại và có kệ cao hơn mặt nền tối thiểu 20 cm và cách tường 20 cm. Kho phải luôn được vệ sinh sạch sẽ. Không để thuốc sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, xăng, dầu, hóa chất... trong kho.

Khi trộn thức ăn phải vệ sinh sạch sẽ để tránh tạp nhiễm từ mẻ trộn này sang mẻ khác, đặc biệt là mẻ trộn chứa thuốc và không chứa thuốc. Nên trộn mẻ không chứa thuốc trước, mẻ chứa thuốc sau.

c) Sử dụng thức ăn theo trình tự “thức ăn vào trước - ra trước”.

d) Có biện pháp phòng chống chuột, gặm nhấm, chim tiếp xúc với thức ăn.

e) Ghi vào sổ nhật ký sản xuất và lưu trữ hồ sơ tất cả ngày, số lượng, chất lượng nguyên liệu, thức ăn nhập, xuất; nếu thức ăn tự trộn: các công thức trộn, trình tự trộn và người phụ trách trộn.

3.2. Nước uống

a) Trang trại phải có đủ nguồn nước sạch để sử dụng cho người và vật nuôi.

b) Phải định kỳ lấy mẫu nước uống phân tích để đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Trong trường hợp bất khả kháng, phải lắp đặt hệ thống lọc kim loại nặng và sát khuẩn.

c) Nước uống phải được chứa trong bồn hoặc trong bể có nắp đậy; có tấm chống nắng, dẫn vào chuồng nuôi bằng hệ thống ống nhựa đảm bảo chắc chắn, an toàn. Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp nước từ đầu nguồn đến máng uống.

d) Luôn cho lợn uống nước sạch, uống tự do theo nhu cầu.

4. Yêu cầu về chăm sóc nuôi dưỡng

4.1. Tổ chức sản xuất theo nguyên tắc “cùng vào - cùng ra” đối với từng ô chuồng, dãy chuồng lợn.

4.2. Kiểm tra: theo dõi chặt chẽ lượng thức ăn tiêu thụ; hành vi, tập tính bình thường của lợn để đánh giá sức khỏe của vật nuôi, phát hiện kịp thời lợn ốm. Cần theo dõi sức khỏe hàng ngày, khi lợn ốm cần được đánh dấu và điều trị càng sớm càng tốt, cách ly lợn ốm ở ô chuồng riêng để điều trị.

5. Yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi

5.1. Trước khi chăn nuôi

a) Đảm bảo chuồng nuôi, hệ thống máng ăn, bát che, trần nhà ... được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc nghiêm ngặt và chỉ nhập lợn sau 03 ngày tiêu độc, khử trùng.

b) Phun khử trùng tại cổng bằng hóa chất đối với tất cả các dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi. Các loại thức ăn, thuốc thú y, chế phẩm ... được đóng gói trong bao bì kín không ngâm nước, trước khi đưa vào trang trại. Sau ít nhất 30 phút mới đưa vào kho hoặc khu vực chứa dụng cụ. Sau ít nhất 48 giờ mới đưa vào sử dụng trong chăn nuôi. Sau mỗi lần sử dụng nên tiến hành rửa sạch bằng nước, để khô và phun thuốc khử trùng trước khi cất vào kho hoặc khu vực chứa dụng cụ.

5.2. Trong quá trình chăn nuôi

a) Hóa chất khử trùng tại các hố khử trùng (hoặc giàn phun khử trùng) ở cổng ra vào khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày, cần thay đổi các loại hóa chất khử trùng khác nhau để tăng hiệu quả khử trùng.

b) Định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh khu chăn nuôi, chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tuần; phun thuốc khử trùng trong chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh bằng các dung dịch khử trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

c) Diệt ruồi, muỗi và chuột trong và ngoài chuồng nuôi: sử dụng thuốc phun diệt ruồi, muỗi định kỳ 3 tháng/1 lần. Sử dụng thuốc diệt chuột định kỳ 3 tháng/1 lần và tại các chuồng sau khi đã chuyển hết lợn. Diệt ruồi, muỗi và chuột bổ sung giữa các đợt khi có ruồi, muỗi, chuột phát sinh trong và ngoài chuồng nuôi.

d) Đối với nguồn nước sử dụng trong chăn nuôi lợn định kỳ kiểm tra chất lượng nước sử dụng tại đầu vào và đầu ra của nguồn nước.

đ) Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tháng.

e) Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày.

g) Vệ sinh, khử trùng thường xuyên đồ bảo hộ và các dụng cụ chăn nuôi, thú y sau khi sử dụng.

5.3. Sau khi chăn nuôi

a) Sau mỗi đợt nuôi phải làm vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 7 ngày trước khi đưa lợn mới vào nuôi.

b) Đối với các dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi sau mỗi đợt nuôi

Dụng cụ chăn nuôi như tấm đan, máng ăn, núm uống, ổ úm ...: tháo rời các bộ phận, rửa bằng nước sạch với áp lực cao, vệ sinh sạch các chất hữu cơ bằng chất tẩy rửa, ngâm hóa chất khử trùng trong 60 phút, rửa lại bằng nước sạch và làm khô.

Giàn mát (đối với phương thức nuôi chuồng kín): phun chất tẩy rửa làm ướt toàn bộ giàn mát, sau 30 phút rửa sạch bằng nước và làm khô, pha hóa chất khử trùng vào bể nước và chạy giàn mát liên tục trong 12 giờ.

Dụng cụ bằng gỗ, nhựa, bạt phủ ...: rửa sạch bằng nước với áp lực cao và làm khô. Ngâm thuốc hóa chất khử trùng trong 60 phút và rửa lại bằng nước sạch, sau đó làm khô dụng cụ.

Hệ thống chứa và dẫn nước: vệ sinh sạch toàn bộ hệ thống chứa và dẫn nước. Thực hiện ngâm toàn bộ hệ thống chứa và dẫn nước cho lợn sử dụng với dung dịch khử trùng trong 12 giờ, sau đó xúc xả bằng nước sạch.

Các thiết bị điện, quạt, máy bơm, mô tơ ...: tháo rời và vệ sinh sạch sẽ các bộ phận. Khử trùng bằng hóa chất phù hợp không ăn mòn thiết bị. Có thể xông bằng formol hoặc chiếu tia UV, UVC nếu có điều kiện.

Đối với phương thức nuôi chuồng kín: có thể xông formol + Thuốc tím toàn bộ chuồng nuôi và các dụng cụ, trang thiết bị từ 12-24 giờ.

6. Yêu cầu về môi trường và xử lý chất thải chăn nuôi

Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ trong chăn nuôi trang trại phải thu gom, vận chuyển đến vị trí tập trung trong khuôn viên cơ sở chăn nuôi trang trại và xử lý theo quy định đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Việc thu gom chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ được thực hiện hàng ngày đối với cơ sở chăn nuôi chuồng nền, thu gom theo đợt đối với cơ sở chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học. Vị trí tập trung chất thải rắn trong khuôn viên cơ sở chăn nuôi trang trại để xử lý phải xa khu chuồng nuôi, xa nơi cấp nước, khu vực kho thức ăn chăn nuôi. Nước thải chăn nuôi phải thu gom bằng hệ thống riêng để xử lý.

6.1. Xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ

a) Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ trong chăn nuôi trang trại đã qua xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được sử dụng cho cây trồng hoặc làm thức ăn cho thủy sản; trong thời gian chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, việc xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

b) Việc vận chuyển chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ chưa được xử lý ra khỏi cơ sở chăn nuôi thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.2. Xử lý nước thải chăn nuôi

a) Nước thải chăn nuôi trong trang trại đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, được sử dụng tưới cho cây trồng. Việc sử dụng nước thải chăn nuôi phải đảm bảo hạn chế phát sinh mùi hôi, thối và không để chảy tràn ra môi trường xung quanh.

b) Nước thải chăn nuôi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải sử dụng chung phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi hiện hành.

6.3. Xử lý xác lợn chết thông thường

a) Nghiêm cấm vứt xác vật nuôi ra ngoài môi trường.

b) Trước khi tiêu hủy phải làm chết lợn bằng điện hoặc phương pháp khác

(nếu có).

c) Biện pháp thực hiện

Chôn lấp: hố chôn phải đủ rộng phù hợp với khối lượng động vật, sản phẩm động vật, chất thải cần chôn. Thực hiện nghiêm ngặt theo hướng dẫn của cơ quan chăn nuôi và thú y.

Đốt: đốt bằng lò chuyên dụng hoặc đốt thủ công bằng cách đào hố, cho bao chứa xác động vật, sản phẩm động vật vào hố và đốt bằng củi, than, rơm, rạ, xăng, dầu.

6.4. Chế phẩm sinh học

Khuyến khích sử dụng chế phẩm sinh học, ứng dụng tiến bộ công nghệ, kỹ thuật mới trong quá trình xử lý chất thải chăn nuôi.

7. Yêu cầu về kiểm soát người và động vật ra vào khu vực chăn nuôi

7.1. Quản lý con người, thực phẩm và vật dụng

a) Người trực tiếp làm công việc chăn nuôi phải hạn chế ra ngoài đến mức thấp nhất; phải được đào tạo và nghiêm túc thực hiện an toàn sinh học và quy trình chăn nuôi; được cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ bao gồm giày/ ủng, khẩu trang, găng tay và quần áo bảo hộ.

b) Chỉ được đem thức ăn nấu chín vào trại và phải để tại khu nhà ăn; không mang thực phẩm có nguồn gốc từ thịt lợn vào trong trại.

c) Các thiết bị, dụng cụ đưa vào khu chăn nuôi phải khử trùng bằng hoá chất phù hợp không ăn mòn thiết bị, dụng cụ. Có thể xông bằng formol hoặc chiếu tia UV, UVC nếu có điều kiện. Mỗi dãy chuồng có bộ dụng cụ, thiết bị được sơn màu khác nhau và không đem dụng cụ từ dãy chuồng này sang dãy chuồng khác.

7.2. Khách vào trại

a) Khách có kế hoạch vào trại phải đăng ký tên vào sổ của bảo vệ; đảm bảo không tiếp xúc với lợn và thịt lợn sống 72 giờ trước khi vào trại; không được vào trại khi lợn trong trại đang bị bệnh; phải tuân thủ theo quy định an toàn sinh học của trại.

b) Không được mang vật khó sát trùng hoặc không cần thiết vào trại (như nhẫn, đồng hồ...). Ngay khi vào cổng trại, phải tắm rửa, sát trùng sạch sẽ, thay giày/ ủng và sử dụng giày/ ủng của trại; dẫm giày/ ủng vào hố sát trùng (dung dịch sát trùng hay vôi bột); sát trùng tay...

Trường hợp cán bộ chuyên ngành cần vào trại để làm việc, phải báo trước và phải được tắm gội, thay quần áo, giày dép; mặc quần áo, dụng cụ bảo hộ của trại. Trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng. Nếu trại đang trong thời gian cách ly để phòng, chống dịch, nhân viên trong trại sử dụng công nghệ số để hợp tác, hỗ trợ cho cán bộ chuyên ngành thực

thi nhiệm vụ.

7.3. Kiểm soát các loài vật gây hại

a) Sử dụng hệ thống lưới, màn che ngăn côn trùng: ve, ruồi, muỗi; dụng cụ nhử, bắt/điệt côn trùng, ruồi, muỗi, chim, chuột trong khu vực trang trại.

b) Định kỳ đặt bẫy chuột, loài gặm nhấm trong trại, ưu tiên sử dụng các biện pháp sinh học an toàn trong hoạt động này như bả sinh học, bẫy cơ học.

c) Không nuôi gia súc, gia cầm khác trong trang trại. Không cho động vật nuôi khác (chó, mèo, thú cưng) xâm nhập trang trại và khu chuồng nuôi.

7.4. Kiểm soát phương tiện vận chuyển ra vào trại

a) Các phương tiện không có phận sự không được phép vào khuôn viên trại. Xe vận chuyển thức ăn, con giống, thiết bị... phải được vệ sinh, sát trùng sạch sẽ, đặc biệt là các bánh xe, gầm và nóc xe trước khi vận chuyển ngay tại cổng trại. Xe vận chuyển và các dụng cụ trong trại chỉ đi lại trong nội bộ trại, không được ra ngoài.

b) Khu vực xuất nhập lợn: vệ sinh, sát trùng khu vực xuất/nhập lợn, đặc biệt là trước và sau mỗi lần xuất - nhập. Hệ thống nước thải từ khu vực xuất - nhập không được chảy hòa chung vào hệ thống nước thải của các dãy chuồng nuôi lợn.

8. Yêu cầu về ghi chép

8.1. Thực hiện kê khai theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

8.2. Ghi chép số lượng vật nuôi, loại, giống, sức khỏe, điều trị, xuất, bán sản phẩm trong quá trình chăn nuôi (tham khảo Mẫu 5).

8.3. Nếu có dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương.

Lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi.

9. Yêu cầu về đào tạo, tập huấn

Cần có tài liệu tập huấn về an toàn sinh học trong chăn nuôi. Thực hiện đào tạo về an toàn sinh học trong chăn nuôi cho tất cả người lao động tại cơ sở chăn nuôi.

Một số nội dung chi tiết được hướng dẫn tại các Mẫu kèm theo

STT	Tên mẫu
1	Nội quy an toàn sinh học
2	Diện tích tối thiểu cho từng loại lợn
3	Nhu cầu nước uống cho lợn
4	Lịch tiêm phòng vắc xin, hóa dược
5	Một số biểu mẫu hướng dẫn ghi chép theo dõi quá trình chăn nuôi lợn

Mẫu 1:

NỘI QUY AN TOÀN SINH HỌC

Nội quy an toàn sinh học: nêu ra những qui định thực thi cụ thể và áp dụng trong trang trại chăn nuôi lợn.

- **Khu trung gian:** khu sinh hoạt dành cho cán bộ công nhân viên và cho tất cả mọi người vào ở cách ly từ 24 - 48 giờ trước khi vào khu vực nuôi heo. Một người khi đi vào khu trung gian thì không nên đi ngược lại ra khu vực công trại hoặc bãi để xe nếu muốn đi vào khu vực chuồng nuôi. Nếu đi ra khu vực ngoài cổng bảo vệ điều đó có nghĩa là phải thực hiện lại cách ly từ ban đầu khi đi vào trại chăn nuôi.

- **Khu vực sạch:** khu vực được bảo vệ khỏi sự xâm nhập của mầm bệnh, mọi vật và trang thiết bị, con người muốn vào khu vực này đều phải được sát trùng kĩ lưỡng trước khi vào khu vực này.

- **Khu vực bẩn:** nơi nguy cơ tiếp xúc với các mầm bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn, virus và các hóa chất độc hại.

- **Đường ranh giới giữa khu vực bẩn và sạch:** đường phân chia vùng bẩn và vùng sạch.

- **Phòng tắm và phòng sát trùng các vật dụng, dụng cụ:** đây là vùng duy nhất mà tất cả mọi vật dụng có thể đi từ khu vực bẩn qua khu vực sạch.

Mẫu 2:
DIỆN TÍCH TỐI THIỂU KHUYẾN CÁO CHO TỪNG LOẠI LỢN NUÔI

STT	Loại lợn	Diện tích sàn (m²/con)
1	Lợn cái giống	
	- Lợn hậu bị	1,2-2,0
	- Lợn chò phối và mang thai	2,0
	- Lợn nái nuôi con	4,0-4,5
2	Lợn đực giống	
	Lợn hậu bị	2,0
	Lợn đực làm việc	4,0
3	Lợn con sau cai sữa đến 30kg với lợn ngoại	0,4
4	Lợn thịt từ 30 kg đến xuất bán với lợn ngoại	0,8

Mẫu 3:
NHU CẦU NƯỚC UỐNG CHO LỢN

TT	Loại lợn	Nhu cầu nước uống (lít/con/ngày)
1	Lợn cái giống	
1.1	Lợn hậu bị	5 - 8
1.2	Lợn chò phối	10 - 15
1.3	Lợn mang thai	11 - 25
1.4	Lợn nái nuôi con	20 - 35
2	Lợn đực giống	
2.1	Lợn hậu bị	5-8
2.2	Lợn đực làm việc	20 - 25
3	Lợn con sau cai sữa đến 30 kg	2-3
4	Lợn thịt (từ 30 kg đến xuất bán)	5-8

Mẫu 4:
TIÊM PHÒNG VẮC XIN, HOÁ DƯỢC

TT	Loại vắc xin, hóa dược cần tiêm	Thời gian
1	Tiêm Sắt	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
2	Tiêm vitamin ADE	Định kỳ hàng tháng với lợn đực làm việc
3	Vắc xin phòng bệnh Cầu trùng lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
4	Vắc xin phòng bệnh Suyễn lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
5	Vắc xin phòng "Hội chứng tiêu chảy cấp, viêm dạ dày ruột" ở lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
6	Vắc xin phòng các bệnh E.coli sung phù đầu, phó thương hàn, viêm ruột tiêu chảy ở lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
9	Vắc xin phòng bệnh Tai xanh ở lợn (Hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản – PRRS)	- Định kỳ 4 tháng tiêm nhắc lại 1 lần với lợn nái mang thai, lợn đực làm việc
10	Vắc xin phòng bệnh Dịch tả lợn cổ điển	- Định kỳ tháng 3 và tháng 9 hàng năm với lợn đực làm việc
11	Vắc xin phòng bệnh Circovirus ở lợn (Hội chứng còi cọc, viêm da, viêm thận – PCV)	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
12	Vắc xin phòng các bệnh Viêm phổi phức hợp, phổi dính sườn; Liên cầu khuẩn lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
13	Vắc xin phòng bệnh Lở mồm long móng ở lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất Định kỳ tháng 3 và tháng 9 hàng năm với lợn đực làm việc
14	Vắc xin phòng bệnh Tụ huyết trùng lợn, Đóng dấu lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
15	Vắc xin phòng bệnh xảy thai do Parvovirus, bệnh Đóng dấu lợn và bệnh Xoắn khuẩn lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất Định kỳ tháng 3 và tháng 9 hàng năm với lợn đực làm việc
16	Tiêm Ivermectin (tẩy ký sinh trùng lợn)	- Định kỳ 6 tháng/lần với lợn đực làm việc và lợn nái

Lưu ý: Mỗi lần tiêm vắc xin có thể tiêm thêm thuốc chống sốt phản vệ, vitamin, thuốc bổ trợ sức khỏe.

Mẫu 5:
MỘT SỐ BIỂU MẪU THEO DÕI GHI CHÉP

Biểu 1: Theo dõi mua lợn giống

Ngày tháng mua lợn	Tên tổ chức/cá nhân bán lợn	Địa chỉ nơi bán	Tên giống lợn	Số lượng lợn mua	Tình trạng lợn	Tình hình tiêm phòng	
						Ngày tiêm vacxin	Loại vacxin

Biểu 2: Theo dõi nuôi tân đào

Ngày	Số lợn	Nguồn gốc	Ngày tiêm phòng	Lấy mẫu huyết thanh	Triệu chứng (nếu có)	Thuốc, liều dùng	Số lần chữa trị trong ngày	Kết quả

Biểu 3: Theo dõi phối giống

Ngày	Sáng	Chiều	Nái			Đực		Lần phối	Người phối	Ghi chú
			Số thẻ	Giống	Lứa	Số thẻ	Giống			

Biểu 4: Ghi chép nhập nguyên liệu, thức ăn

Ngày tháng năm	Tên người nhập	Tên hàng	Số lượng (kg)	Cơ sở sản xuất	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Đánh giá cảm quan

Biểu 5: Ghi chép xuất nguyên liệu, thức ăn

Ngày tháng năm	Tên người xuất	Tên hàng	Số lượng (kg)	Cơ sở sản xuất	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Đánh giá cảm quan

Biểu 6: Theo dõi khách thăm quan

Số TT	Tên khách	Số điện thoại	Địa chỉ	Ngày đến	Ngày đi	Ký tên	Ghi chú

Biểu 7: Kế hoạch sử dụng thuốc khử trùng vệ sinh, khử trùng và tiêu độc

Ngày tháng năm	Phương pháp	Tên thuốc khử trùng	Cơ sở/nhà sản xuất	Liều lượng	Cách dùng	Khuyến cáo/cảnh báo của thuốc	Ghi chú

Biểu 8: Ghi chép xuất bán lợn thịt thương phẩm

Ngày tháng năm	Loại lợn	Số lượng bán (con)	Khối lượng (kg)	Ngày tiêm phòng/trị bệnh lần cuối	Loại vắc xin/thuốc đã sử dụng	Ngày kết thúc điều trị/kết quả	Ghi chú

Phụ lục III

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BIỆN PHÁP AN TOÀN SINH HỌC CHO CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA CẦM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CNTY-KHCNMT ngày tháng năm của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

Cơ sở chăn nuôi gia cầm quy mô nông hộ và trang trại trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ

2.1. An toàn sinh học trong chăn nuôi gia cầm là tổng hợp các biện pháp kỹ thuật và quản lý được áp dụng nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân gây bệnh có khả năng gây hại đến con người, vật nuôi và hệ sinh thái.

2.2. Chăn nuôi nông hộ là hình thức tổ chức hoạt động chăn nuôi tại hộ gia đình có quy mô dưới 10 đơn vị vật nuôi.

2.3. Chăn nuôi trang trại là hình thức tổ chức hoạt động chăn nuôi tập trung tại khu vực riêng biệt dành cho sản xuất, kinh doanh chăn nuôi có quy mô từ 10 đơn vị vật nuôi trở lên.

3. Nguyên tắc thực hiện an toàn sinh học trong cơ sở chăn nuôi gia cầm

Nguyên tắc chung của an toàn sinh học là thực hiện đầy đủ 3 nội dung: cách ly, làm sạch và khử trùng.

3.1. Cách ly là các biện pháp nhằm ngăn chặn, phòng ngừa các tác nhân gây bệnh (mầm bệnh) từ bên ngoài xâm nhập vào cơ sở chăn nuôi gia cầm hoặc từ cơ sở chăn nuôi gia cầm (nếu có) ra môi trường bên ngoài.

Việc cách ly bao gồm cả việc xây dựng chuồng nuôi tại địa điểm hợp lý, đúng quy định; quản lý con người, động vật, phương tiện đi lại, vận chuyển, các vật tư, thiết bị; dựng hàng rào vật lý hoặc thực hiện nghiêm túc các quy định (về khoảng cách, thời gian trống chuồng, thay giày dép, áo quần, ra vào của người, các vật tư, thiết bị và phương tiện, động vật...) nhằm ngăn chặn nguồn bệnh từ khu vực bên ngoài xâm nhập vào khu vực chăn nuôi và ngược lại. Khi cách ly tốt sẽ ngăn chặn được cơ bản sự lây nhiễm của các mầm bệnh.

3.2. Làm sạch là các hoạt động vệ sinh thường xuyên trong khu vực chăn nuôi nhằm loại bỏ bụi bẩn và các tác nhân chứa mầm bệnh bám trên bề mặt các dụng cụ, thiết bị, sàn, tường, trần nhà, xung quanh chuồng, bãi chăn... Việc vệ sinh làm sạch đúng cách sẽ có khả năng loại bỏ hầu hết các tác nhân gây bệnh.

3.3. Khử trùng, tiêu độc là các hoạt động nhằm diệt các tác nhân gây bệnh còn lại sau khi đã tiến hành vệ sinh làm sạch. Việc khử trùng chỉ đạt được hiệu quả sau khi đã làm vệ sinh tốt và đảm bảo sự phù hợp của chất khử trùng, tỷ lệ

pha, sử dụng đúng cách.

Thời gian tiếp xúc có hiệu quả của chất khử trùng với bề mặt cần khử trùng tối thiểu là 10 phút.

Chương II

YÊU CẦU VỀ AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI NÔNG HỘ

1. Yêu cầu về chuồng nuôi, khu vực chăn nuôi

1.1. Khu vực chăn nuôi gia cầm phải tách biệt với nơi ở hoặc nơi sinh hoạt, hoạt động của con người và động vật khác để đảm bảo không có nguy cơ truyền tác nhân gây bệnh từ con người và động vật khác sang đàn gia cầm và ngược lại.

1.2. Cơ sở chăn nuôi nên nuôi duy nhất một đàn gia cầm trong cùng một thời gian (cùng vào cùng ra). Nếu nuôi nhiều đàn trong cùng một thời gian thì phải có các khu vực tách biệt nuôi gia cầm con, gia cầm thịt, gia cầm hậu bị và gia cầm sinh sản.

1.3. Có vị trí để thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu độn chuồng, dụng cụ, hóa chất khử trùng; các vị trí này phải tách biệt với nhau để tránh bị nhiễm chéo và tránh nhảm lẫn.

1.4. Có máng ăn, máng uống bằng vật liệu phù hợp, dễ vệ sinh.

1.5. Đối với cơ sở nuôi gia cầm sinh sản: có ổ đẻ hoặc bố trí khu vực riêng để gia cầm đẻ trứng; có tủ xông khử trùng để khử trùng trứng giống.

1.6. Có nơi để rửa tay bằng xà phòng.

1.7. Có nơi thay giày dép và bảo hộ trước khi vào, ra cơ sở chăn nuôi.

1.8. Có ô chuồng tân đáo để nuôi gia cầm mới nhập; chuồng cách ly để nuôi gia cầm bị ốm.

1.9. Có nơi tập kết và xử lý chất thải.

1.10. Có biện pháp ngăn ngừa côn trùng, chuột, động vật gây hại khác xâm nhập vào chuồng nuôi và kho chứa; có biện pháp kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện ra, vào khu vực chăn nuôi.

2. Yêu cầu về con giống

2.1. Gia cầm giống phải có nguồn gốc rõ ràng từ đàn gia cầm sinh sản khỏe mạnh và được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định của cơ quan thú y. Không nên sử dụng gia cầm thương phẩm làm giống bố mẹ.

2.2. Đối với gia cầm nhập từ ngoài tỉnh phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch, trước khi nhập đàn nuôi cách ly ít nhất 14 ngày.

2.3. Đàn gia cầm sinh sản trong giai đoạn đẻ trứng đảm bảo khỏe mạnh,

không bị mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm⁽¹⁾ và được tiêm phòng vắc xin đầy đủ theo quy trình giống.

3. Yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng và vệ sinh chăn nuôi

3.1. Yêu cầu về chăm sóc

a) Cần đảm bảo cho gia cầm được nuôi trong chuồng khô ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; không bị mưa tạt, gió lùa.

b) Mỗi đối tượng gia cầm như gia cầm sinh sản, gia cầm thịt, gia cầm con... cần được nuôi trong ô chuồng riêng với mật độ phù hợp, đảm bảo đáp ứng được các nhu cầu sinh học và tập tính của vật nuôi.

3.2. Yêu cầu về thức ăn, nước uống

a) Thức ăn cho gia cầm phải có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng, phù hợp với giống, lứa tuổi gia cầm; không bị mốc, không ôi chua và không quá hạn sử dụng.

b) Nước uống phải sạch, an toàn, hợp vệ sinh.

3.3. Yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi

a) Trước khi vào khu vực chăn nuôi tất cả mọi người phải rửa tay bằng xà phòng hoặc nước khử trùng đồng thời mặc quần áo bảo hộ lao động và thay giày dép.

b) Chuồng nuôi và ổ đẻ hoặc nơi đẻ trứng của gia cầm cần phải được thông thoáng, khô ráo và được bổ sung đệm lót thường xuyên.

c) Khu vực chăn nuôi, máng ăn, máng uống phải được vệ sinh thường xuyên sạch sẽ.

d) Tất cả các phương tiện vận chuyển không được vào khu vực chăn nuôi. Trong trường hợp cần thiết vào khu vực chăn nuôi, phương tiện phải được rửa, khử trùng trước, sau khi vào, ra khu vực chăn nuôi.

đ) Cần có biện pháp diệt chuột, côn trùng an toàn, hiệu quả. Nếu sử dụng hóa chất thì phải theo khuyến cáo của nhà sản xuất và chỉ sử dụng hóa chất được phép lưu hành tại Việt Nam.

e) Thường xuyên phát quang bụi rậm, vệ sinh xung quanh khu vực chăn nuôi.

f) Sau mỗi đợt nuôi, phải làm vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 14 ngày trước khi nuôi đàn mới.

4. Yêu cầu về xử lý chất thải

4.1. Cơ sở có biện pháp thu gom chất thải như gia cầm chết, trứng hỏng, rác, phân và chất độn chuồng đã qua sử dụng. Áp dụng biện pháp xử lý chất thải triệt để và an toàn.

⁽¹⁾ Bao gồm các bệnh: Cúm gia cầm độc lực cao, Niu-cát-xon, bệnh Gum-bô-rô, Dịch tả vịt, Viêm gan vịt và các bệnh mới xuất hiện do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố.

4.2. Kết thúc mỗi đợt nuôi, chất thải phải được thu gom triệt để; quét dọn, vệ sinh, làm sạch, tiêu độc khử trùng toàn bộ dụng cụ, thiết bị, chuồng nuôi và môi trường xung quanh. Sau đó để trống chuồng ít nhất 14 ngày trước khi nuôi đàn mới.

4.3. Vật nuôi chết vì dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định riêng của pháp luật về chăn nuôi và thú y, bảo vệ môi trường.

5. Yêu cầu ghi chép sổ sách

5.1. Thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

5.2. Ghi chép theo dõi về giống gia cầm: (1) tên giống; (2) số lượng; (3) phẩm cấp giống (dòng thuần, ông bà, bố mẹ, thương phẩm); (4) nguồn gốc; (5) ngày bắt đầu nuôi; (6) ngày kết thúc.

5.3. Ghi chép hàng ngày về tiêu thụ thức ăn, sản lượng trứng, số lượng gia cầm chết, thuốc thú y, vắc xin sử dụng và tình trạng sức khỏe của đàn gia cầm.

5.4. Ghi chép xuất bán sản phẩm.

5.5. Lưu giữ hồ sơ ghi chép để đảm bảo truy xuất.

Chương III

YÊU CẦU VỀ AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TRANG TRẠI

1. Yêu cầu về chuồng trại, khu vực chăn nuôi

1.1. Vị trí xây dựng

Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi.

1.2. Địa điểm

Chuồng nuôi gia cầm nên xây dựng ở địa điểm cao ráo, dễ thoát nước, dễ làm vệ sinh.

1.3. Quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023; Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

1.4. Các phân khu chức năng

Bao gồm: khu văn phòng, khu chăn nuôi (gồm khu vệ sinh khử trùng, khu chuồng nuôi, các công trình phụ trợ) và khu thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi.

Cần có nội quy/sơ đồ/biển báo, hướng dẫn các khu vực hạn chế người ra, vào và được bố trí tại vị trí để người vào dễ quan sát trước khi vào trại.

a) Khu văn phòng

Phải cách biệt với khu chăn nuôi và khu thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi.

b) Khu vệ sinh khử trùng

Phải có tường hoặc hàng rào bao quanh hoặc biện pháp phù hợp khác nhằm kiểm soát được người và động vật ra vào khu chăn nuôi.

Nơi khử trùng được bố trí ở cổng ra vào khu chăn nuôi, trước mỗi khu chuồng nuôi và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng nuôi.

Có khu vực vệ sinh, khử trùng, thay trang phục bảo hộ riêng (quần áo, giày, dép, ủng....) cho người chăn nuôi và khách thăm quan; đảm bảo cách biệt an toàn với khu chuồng nuôi.

c) Khu chuồng nuôi

Các dãy chuồng nuôi phải bố trí phù hợp với từng lứa tuổi; mục đích sản xuất. Nền chuồng phải cao hơn vườn, ruộng xung quanh tối thiểu 50 cm. Nền chuồng nên láng xi măng, có độ dốc, có rãnh thoát nước.

Chuồng nuôi cần được xây dựng đúng kỹ thuật, đảm bảo thông thoáng, luôn khô ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

Có mật độ nuôi phù hợp với từng lứa tuổi và mục đích sản xuất.

Mỗi dãy chuồng cần có đủ trang thiết bị chăn nuôi gồm có: hệ thống máng ăn, máng uống (hoặc núm uống), hệ thống làm mát...điều chỉnh nhiệt độ chuồng nuôi; cân, nhiệt kế, ẩm kế, sổ sách ghi chép, thiết bị sưởi, quạt úm gia cầm con, các dụng cụ, vật tư thú y khác....

Không sử dụng trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi, thú y... chung giữa các dãy chuồng.

d) Khu phụ trợ, bao gồm:

Khu nuôi tân đào để nuôi gia cầm mới nhập;

Khu cách ly đối với gia cầm ốm.

Khu khác: Khu nhập và xuất gia cầm; bể chứa nước sạch, kho thức ăn, thuốc thú y, hóa chất Các khu vực này phải cách biệt với các khu chuồng nuôi, đảm bảo vệ sinh và khử trùng.

đ) Khu vực thu gom và xử lý chất thải

Có khu vực thu gom và xử lý chất thải cách biệt với khu chuồng nuôi, đảm bảo vệ sinh và phù hợp với điều kiện của trang trại.

2. Yêu cầu về con giống

2.1. Chỉ nhập gia cầm có nguồn gốc rõ ràng, từ trại sạch bệnh; khỏe mạnh; nếu nhập từ ngoài tỉnh phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch đúng quy định. Con giống phải được công bố Tiêu chuẩn cơ sở.

2.2. Áp dụng nghiêm ngặt quy trình tiêm phòng, nuôi cách ly gia cầm mới

trong chuồng tân đáo ít nhất 14 ngày rồi mới nhập đàn (nếu gia cầm khỏe mạnh).

3. Yêu cầu về thức ăn, nước uống

3.1. Thức ăn

a) Chỉ sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, đầy đủ dinh dưỡng, phù hợp giống, lứa tuổi của gia cầm; không bị vón, mốc và còn hạn sử dụng, đảm bảo chất lượng và an toàn. Nên bổ sung chế phẩm sinh học phù hợp vào thức ăn để tăng khả năng tiêu hóa, sức đề kháng cho gia cầm.

b) Bảo quản thức ăn: bảo quản trong kho, hoặc silo chuyên dụng. Kho hoặc silo có đủ diện tích, độ thông thoáng để đảm bảo chất lượng thức ăn trong quá trình bảo quản; không có nguy cơ nhiễm các chất độc hại vào thức ăn; hạn chế tối đa nhiễm bẩn, bụi từ bên ngoài; ngăn ngừa sự xâm nhập, phá hoại của động vật gây hại. Thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn phải xếp riêng từng loại và có kệ cao hơn mặt nền tối thiểu 20 cm và cách tường 20 cm. Kho phải luôn được vệ sinh sạch sẽ. Không để thuốc sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, xăng, dầu, hóa chất... trong kho bảo quản thức ăn.

Khi trộn thức ăn phải vệ sinh sạch sẽ để tránh tạp nhiễm từ mẻ trộn này sang mẻ khác, đặc biệt là mẻ trộn chứa thuốc và không chứa thuốc. Nên trộn mẻ không chứa thuốc trước, mẻ chứa thuốc sau. Ghi vào sổ nhật ký sản xuất và lưu trữ hồ sơ tất cả các công thức trộn, trình tự trộn và người phụ trách trộn.

c) Sử dụng thức ăn tuần tự: “Thức ăn vào trước - ra trước”.

d) Có biện pháp phòng chống chuột, loài gặm nhấm, chim tiếp xúc với thức ăn,...

đ) Không cho gia cầm ăn thức ăn thừa chưa qua nấu chín; không sử dụng thức ăn thừa trong máng ăn của đàn gia cầm đã xuất chuồng và thức ăn của đàn gia cầm đã bị dịch bệnh cho đàn mới.

3.2. Nước uống

a) Trang trại phải có đủ nguồn nước sạch để sử dụng cho người và vật nuôi.

b) Phải định kỳ lấy mẫu nước uống phân tích để đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Trong trường hợp bất khả kháng, phải lắp đặt hệ thống lọc kim loại nặng và sát khuẩn.

c) Nước uống phải được chứa trong bồn hoặc trong bể có nắp đậy; có tấm chống nắng, dẫn vào chuồng nuôi bằng hệ thống ống nhựa đảm bảo chắc chắn, an toàn. Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp nước từ đầu nguồn đến máng uống.

d) Luôn cho gà uống đủ nước sạch, uống tự do theo nhu cầu.

4. Yêu cầu về chăm sóc nuôi dưỡng

4.1. Tổ chức sản xuất theo nguyên tắc: cùng vào - cùng ra

4.2. Theo dõi chặt chẽ lượng thức ăn tiêu thụ; hành vi, tập tính bình thường của gia cầm để đánh giá sức khỏe của vật nuôi, phát hiện kịp thời gia cầm ốm.

4.3. Xây dựng kế hoạch sử dụng vắc-xin phòng bệnh theo khuyến cáo của cơ quan chăn nuôi và thú y.

5. Yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi

5.1. Trong trại phải có hệ thống nhà tắm - vệ sinh sát trùng; mọi người phải thay quần áo, giày dép, tắm rửa, sát trùng tay khi ra vào trại.

5.2 Vệ sinh trước mỗi lứa nuôi

a) Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng nghiêm ngặt: chuồng nuôi, hệ thống máng ăn, bát che, trần nhà ... và để trống chuồng tối thiểu 3 ngày trước khi đưa gia cầm vào nuôi.

b) Phun khử trùng bằng hóa chất đối với tất cả các dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi trước khi đưa vào sử dụng. Sau ít nhất 30 phút mới đưa vào kho hoặc khu vực chứa dụng cụ, sau ít nhất 48 giờ mới đưa vào sử dụng.

Tất cả các dụng cụ sau khi sử dụng, phải rửa sạch bằng nước, để khô và phun thuốc khử trùng trước khi cất vào kho hoặc khu vực chứa dụng cụ.

c) Đối với thức ăn, thuốc thú y, chế phẩm, hóa chất...phải được đóng gói trong bao bì kín không ngấm nước hoặc vật chứa chuyên dụng, trước khi đưa vào trại phải được phun hóa chất khử trùng bên ngoài bao bì, vật chứa tại cổng trại. Sau ít nhất 30 phút mới đưa vào kho hoặc khu vực chứa, bảo quản.

5.3. Vệ sinh trong quá trình chăn nuôi

a) Tại các hố khử trùng (hoặc giàn phun khử trùng) ở cổng và trước các dãy chuồng, phải bổ sung hàng ngày hóa chất khử trùng; định kỳ thay đổi các loại hóa chất khử trùng khác nhau để tăng hiệu quả khử trùng.

b) Định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh khu chăn nuôi ít nhất 2 lần/tuần; phun thuốc khử trùng trong chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh bằng các dung dịch khử trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Đối với chuồng nuôi sử dụng đệm lót sinh học thì không phun thuốc khử trùng trong chuồng nuôi.

c) Diệt ruồi, muỗi trong và ngoài chuồng nuôi bằng cách phun thuốc diệt ruồi, muỗi định kỳ 3 tháng/1 lần. Sử dụng thuốc diệt chuột định kỳ 3 tháng/1 lần và tại các chuồng sau khi đã xuất gia cầm. Nếu trong trại có nhiều ruồi, muỗi và chuột thì tổ chức tiêu diệt kịp thời. Ưu tiên sử dụng các phương pháp diệt động vật có hại bằng các biện pháp thân thiện với môi trường.

d) Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tháng.

d) Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày.

e) Đối với nguồn nước sử dụng trong chăn nuôi gia cầm định kỳ kiểm tra chất lượng nước sử dụng tại đầu vào và đầu ra của nguồn nước

g) Vệ sinh, khử trùng đồ bảo hộ và các dụng cụ chăn nuôi thú y sau khi sử dụng.

h) Báo cáo thú y và chính quyền địa phương khi có dịch bệnh hoặc nghi ngờ có dịch bệnh.

i) Quy trình tránh nhiễm chéo

Trong quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, người chăn nuôi phải đi từ khu vực gia cầm con đến gia cầm thịt. Nếu đi từ dãy chuồng này sang dãy chuồng khác thì phải loại bỏ phân và thức ăn dính vào ủng và rửa sạch, sau đó nhúng ủng vào hồ nước sát trùng. Rửa tay trước khi đi qua dãy chuồng khác.

5.4. Vệ sinh khi kết thúc mỗi đợt nuôi

a) Hệ thống máng ăn, máng uống: tháo rời các bộ phận không gắn liền rửa bằng nước sạch với áp lực cao, vệ sinh sạch sẽ bằng chất tẩy rửa, ngâm hóa chất khử trùng trong 60 phút, rửa lại bằng nước sạch và làm khô.

b) Giàn mát (đối với phương thức nuôi chuồng kín): phun chất tẩy rửa làm ướt toàn bộ giàn mát, sau 30 phút rửa sạch bằng nước và làm khô, pha hóa chất khử trùng vào bể nước và chạy giàn mát liên tục trong 12 giờ.

c) Hệ thống chứa và dẫn nước: vệ sinh sạch sẽ toàn bộ hệ thống; ngâm toàn bộ hệ thống trong dung dịch khử trùng trong 12 giờ, sau đó xúc xả bằng nước sạch.

d) Các thiết bị điện, quạt, máy bơm, mô tơ...: phải khử trùng bằng hóa chất phù hợp không ăn mòn, có thể xông bằng formol hoặc chiếu tia UV nếu có điều kiện.

đ) Thu dọn toàn bộ độn chuồng (nếu có) đem đi ủ phân hữu cơ.

e) Xông formol toàn bộ chuồng nuôi và các dụng cụ, trang thiết bị. Để khô, sau đó khử trùng, để trống chuồng trước khi nuôi gia cầm ít nhất 14 ngày.

6. Yêu cầu về môi trường và xử lý chất thải chăn nuôi

Để hạn chế tác hại của chất thải trong chăn nuôi, cần làm tốt các việc sau đây:

6.1. Thiết kế chuồng trại hợp vệ sinh để người chăn nuôi dễ dàng thu gom chất thải; không để tồn đọng chất thải và phát tán chất thải ra ngoài.

6.2. Khuyến khích sử dụng công nghệ vi sinh vật như sử dụng EM, men vi sinh vật ... để xử lý chất thải chăn nuôi, hạn chế đến mức thấp nhất sự phát tán mùi và khí thải ra môi trường.

6.3. Thường xuyên phân loại rác thải trong trang trại để xử lý đúng và kịp thời đối với từng loại. Các chất thải ni lông, bơm tiêm, chai lọ đựng

thuốc, hộp đựng vắc-xin.... cần được tập kết vào nơi quy định riêng để tiêu hủy theo quy định.

6.4. Với độn lót chuồng, sau khi xuất chuồng cần thu gom triệt để, tập kết vào khu vực riêng ở cuối khu chăn nuôi để ủ phân hữu cơ. Nơi chứa phân cần có mái che, có tường bao, nền láng xi măng... đảm bảo chất thải không tràn ra ngoài gây ô nhiễm môi trường.

Chất thải cần được xuất qua cổng riêng, không đi qua cổng chính của khu chăn nuôi.

6.5. Với xác chết gia cầm: tuyệt đối không chôn lấp xác gia cầm chết ngoài vườn hoặc vứt ra môi trường xung quanh. Xác gia cầm chết do dịch bệnh phải được xử lý theo đúng quy định pháp luật về chăn nuôi và thú y.

6.6. Nước thải từ chuồng nuôi phải chảy theo cống gom vào bể chứa, không xả tràn lan ra môi trường.

7. Yêu cầu về kiểm soát người và động vật ra vào khu vực chăn nuôi

7.1. Quản lý con người, thực phẩm và vật dụng

a) Người trực tiếp làm công việc chăn nuôi phải hạn chế ra ngoài đến mức thấp nhất; phải được đào tạo về an toàn sinh học và quy trình chăn nuôi; được cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ bao gồm giày/ ủng, khẩu trang, găng tay và quần áo bảo hộ.

b) Nguyên tắc di chuyển trong trại: đi từ chuồng gia cầm con đến chuồng gia cầm lớn; đi từ khu vực sạch đến khu vực bẩn. Mọi người, khi đã vào khu cách ly và khu xử lý chất thải thì không đi ngược trở lại các khu chuồng khác (muốn vào thì phải tắm, vệ sinh lại từ đầu).

c) Chỉ được đem thức ăn nấu chín vào trại và phải để tại khu nhà ăn; không mang thực phẩm có nguồn gốc từ gia cầm (trứng, thịt...) vào trong khu chăn nuôi.

d) Mỗi dãy chuồng có bộ dụng cụ, thiết bị được sơn màu khác nhau hoặc được đánh dấu khác nhau để dễ nhận biết và không đem dụng cụ từ dãy chuồng này sang dãy chuồng khác.

7.2. Khách vào trại

a) Khách có kế hoạch vào trại phải đăng ký tên vào sổ của bảo vệ; đảm bảo không tiếp xúc với gia cầm và sản phẩm gia cầm sống 72 giờ trước khi vào trại; không được vào trại khi gia cầm trong trại đang bị bệnh; phải tuân thủ theo quy định an toàn sinh học của trại.

b) Không nên mang vật khó sát trùng hoặc không cần thiết vào trại (như nhẫn, đồng hồ...) hoặc các vật dùng cá nhân phải được khử trùng trước khi khách mang theo vào khu chăn nuôi. Ngay khi vào cổng trại, phải tắm rửa, sát trùng sạch sẽ, thay giày/ ủng và sử dụng giày/ ủng của trại; dầm giày/ ủng vào hồ sát trùng (dung dịch sát trùng hay vôi bột); sát trùng tay...

Trường hợp cán bộ chuyên ngành cần vào trại để làm việc, phải báo trước và phải được tắm gội, thay quần áo, giày dép; mặc quần áo, dụng cụ bảo hộ của trại. Trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hồ khử trùng. Trường hợp trại đang trong thời gian cách ly để phòng, chống dịch, nhân viên trong trại sử dụng công nghệ số để hợp tác, hỗ trợ cho cán bộ chuyên ngành thực thi nhiệm vụ.

7.3. Kiểm soát các loài vật gây hại

a) Sử dụng hệ thống lưới ngăn côn trùng: ve, ruồi, muỗi; dụng cụ nhử, bắt/điệt côn trùng, ruồi, muỗi. Sử dụng màn che chống chim, chuột, gặm nhấm.

b) Thường xuyên hoặc định kỳ đặt bẫy chuột, loài gặm nhấm trong trại, ưu tiên sử dụng các biện pháp sinh học an toàn trong hoạt động này như bả sinh học, bẫy cơ học...

c) Không nuôi và thả rông các động vật khác như chó, mèo... trong trại.

7.4. Kiểm soát phương tiện vận chuyển ra vào trại

a) Xe không có phận sự không được phép vào khuôn viên trại.

b) Xe vận chuyển thức ăn, con giống, thiết bị... phải được vệ sinh, sát trùng sạch sẽ, đặc biệt là các bánh xe, gầm và nóc xe trước khi vận chuyển ngay tại cổng trại.

c) Khu vực xuất nhập gia cầm

Vệ sinh, sát trùng khu vực xuất/nhập gia cầm, đặc biệt là trước và sau mỗi lần xuất - nhập.

Hệ thống nước thải từ khu vực xuất - nhập không được chảy hòa chung vào hệ thống nước thải của các dãy chuồng gia cầm.

d) Xe vận chuyển và các dụng cụ trong trại chỉ đi lại trong nội bộ trại, không được ra ngoài.

đ) Không dịch chuyển các dụng cụ chăn nuôi từ dãy trại này sang dãy trại khác.

8. Yêu cầu về ghi chép sổ sách

8.1. Thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

8.2. Ghi chép theo dõi nguồn gốc giống gia cầm: (1) giống; (2) số lượng; (3) phẩm cấp giống (dòng thuần, ông bà, bố mẹ, thương phẩm); (4) ngày bắt đầu nuôi; (5) ngày kết thúc.

8.3. Ghi chép hàng ngày về nguồn nhập nguyên liệu và thức ăn hỗn hợp; quá trình sử dụng thức ăn.

8.4. Ghi chép xuất bán sản phẩm: gà bán; sản lượng trứng, số trứng non, trứng đập vỡ...

8.5. Ghi chép tình hình thú y: đầu con hàng ngày (số con ốm, chết, nguyên nhân...); thuốc thú y sử dụng; vắc xin sử dụng và tình trạng sức khỏe của

đàn gia cầm;

Lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi.

9. Yêu cầu về đào tạo, tập huấn

Cần có tài liệu tập huấn về an toàn sinh học trong chăn nuôi. Thực hiện đào tạo về an toàn sinh học trong chăn nuôi cho tất cả người lao động tại cơ sở chăn nuôi.

Một số nội dung chi tiết được hướng dẫn tại các Mẫu kèm theo

TT	Tên mẫu
1	Hướng dẫn phun khử trùng chuồng trại và khử trùng trứng ấp
2	Một số hóa chất sử dụng để vệ sinh, khử trùng trong cơ sở chăn nuôi gia cầm
3	Hướng dẫn sử dụng vắc xin cho gia cầm
4	Mật độ chăn nuôi trong chuồng nuôi gia cầm
5	Một số biểu mẫu ghi chép dùng trong cơ sở chăn nuôi gia cầm

Mẫu 1:
HƯỚNG DẪN PHUN KHỬ TRÙNG CHUÔNG TRẠI
VÀ KHỬ TRÙNG TRÚNG ÁP

1. Yêu cầu về bảo hộ an toàn lao động

Để giảm thiểu hóa chất tiếp xúc với cơ thể, người thực hiện việc phun và xông khử trùng cần phải:

- Mặc quần áo bảo hộ;
- Đeo găng tay cao su dài đến khuỷu tay;
- Đeo kính bảo hộ và khẩu trang phòng hóa chất hoặc sử dụng mặt nạ phòng độc;
- Đi ủng cao su.

2. Hướng dẫn phun khử trùng chuồng trại

Để đạt được hiệu quả khử trùng cần phải thực hiện tốt các yêu cầu sau:

- Rửa sạch hết chất bẩn trong quá trình làm vệ sinh;
- Chỉ sử dụng các chất khử trùng được phép lưu hành;
- Pha chất khử trùng đúng nồng độ theo hướng dẫn của nhà sản xuất;
- Sử dụng chất khử trùng đúng liều lượng để đảm bảo thời gian tiếp xúc hiệu quả và khử trùng hết toàn bộ bề mặt;
- Pha dung dịch khử trùng và tiến hành khử trùng một cách an toàn.

Lưu ý: Không phun chất khử trùng trên mặt đất, rác bẩn, chất hữu cơ và vật nuôi.

2.1. Hướng dẫn tính toán và sử dụng chất khử trùng

Nồng độ chất khử trùng và thời gian tiếp xúc của hóa chất với bề mặt cần khử trùng là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả của khử trùng. Vì vậy, việc tính toán chính xác lượng chất khử trùng và lượng nước cần dùng để tạo nên dung dịch chất khử trùng đúng tỷ lệ khuyến cáo là rất quan trọng.

a) Các dữ liệu cần tính toán:

- Diện tích cần khử trùng: tính theo đơn vị mét vuông (m^2);
- Lượng dung dịch khử trùng cần dùng: tính trên cơ sở trung bình 300 ml (0,3 lít) dung dịch đã pha phun cho $1m^2$;
- Lượng chất khử trùng cần dùng: tính theo tỷ lệ khuyến cáo của nhà sản xuất.

b) Cách tính:

Bước 1. Tính tổng diện tích cần phun khử trùng (m^2);

Bước 2. Tính lượng dung dịch khử trùng cần dùng:

Tổng diện tích cần phun khử trùng $\times 0,3 \text{ lít}/m^2 = \text{lượng dung dịch khử}$

trùng cần dùng (lít);

Bước 3: Tính lượng chất khử trùng cần dùng:

Theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Ví dụ chất khử trùng Virkon®: Tỷ lệ pha 1% có nghĩa là pha một 1 gam Virkon® vào 100 ml nước hoặc 10 gam Virkon® pha với một lít nước (như vậy, để có được một lít dung dịch khử trùng cần có 10 gam Virkon®).

VD: Một chuồng nuôi gia cầm dài 40 m và rộng 10 m. Cần sử dụng bột Virkon® để khử trùng với tỷ lệ pha là 1%. Cần sử dụng bao nhiêu gam bột Virkon®?

* Tính diện tích chuồng cần phun: [tổng diện tích cả chuồng (sàn, tường và trần) cần phun = Diện tích sàn x 2,5].

$$(40 \text{ m} \times 10 \text{ m}) \times 2,5 = 1.000 \text{ m}^2$$

* Tính lượng dung dịch cần dùng:

$$1.000 \text{ m}^2 \times 0,3 \text{ lít} = 300 \text{ lít dung dịch}$$

* Tính lượng Virkon cần dùng:

$$300 \text{ lít dung dịch} \times 10 \text{ g Virkon} = 3.000 \text{ g Virkon}$$

Trả lời: Cần 3.000 g Virkon để phun khử trùng chuồng nuôi có diện tích 1.000 m².

2.2. Các bước thực hiện vệ sinh, khử trùng chuồng trại

Làm sạch và khử trùng là hai việc quan trọng trong quá trình thực hiện an toàn sinh học cho đàn gia cầm sinh sản.

Bước 1. Chuyển hết toàn bộ gia cầm (nếu có) ra khỏi khu vực cần vệ sinh sau đó thu gom toàn bộ chất thải, rác thải. Dùng chổi, bàn chải, xẻng, hay khí nén để loại bỏ bụi, đất và các chất hữu cơ khô trên bề mặt thiết bị, dụng cụ, và chuồng nuôi;

Bước 2. Dùng bột giặt/xà phòng và nước làm ướt thiết bị, dụng cụ và diện tích cần vệ sinh và cọ rửa để loại trừ các chất hữu cơ cũng như bùn đất và chất nhờn (chỉ áp dụng đối với những thiết bị, dụng cụ và nền chuồng rửa được);

Bước 3. Để khô bề mặt thiết bị, dụng cụ, và chuồng nuôi;

Bước 4. Phun khử trùng lên toàn bộ bề mặt cần khử trùng với nồng độ theo khuyến cáo của nhà sản xuất và liều lượng là 3 lít dung dịch đã pha phun khử trùng cho 10 m² (theo hướng dẫn tại mục 2.1).

3. Xông khử trùng trứng bằng formol (formalin) và thuốc tím (KMnO₄)

Trứng giống cần phải được xông khử trùng trong tủ xông bằng khí formaldehyde được tạo ra do phản ứng hóa học khi kết hợp giữa dung dịch formol với thuốc tím. Dung dịch formol và khí formaldehyde rất nguy hiểm nên cần phải rất thận trọng khi sử dụng.

a) Yêu cầu về tủ xông trứng:

- Nguyên vật liệu để làm tủ xông có thể là: inox, xây bằng gạch và xi măng, tôn mạ kẽm, gỗ;
- Tủ xông cần phải rất kín để hạn chế tối đa sự rò rỉ khí độc trong quá trình xông;
- Có quạt hút khí để đảm bảo toàn bộ khí formaldehyde được thoát hết trước khi mở tủ;
- Có ống thoát khí được gắn với quạt hút khí, độ dài ống vượt khỏi mái nhà để tránh khí độc tiếp xúc với người khi thoát ra;
- Có phễu để đổ formol;
- Nên có một quạt đảo gió để đảm bảo rằng toàn bộ khí formaldehyde được phát tán đều trong tủ xông (nếu tủ lớn hơn 1m^3).

Cần đặt bảng cảnh báo nguy hiểm trước tủ để tránh việc mở cửa tủ trong quá trình xông trứng.

b) Cách xông khử trùng

- Yêu cầu lượng formol và thuốc tím cần dùng cho 1m^3 thể tích tủ xông là 40 ml formol (40%) và 20 g thuốc tím:
- Xếp trứng vào khay hoặc sọt rồi để lên giá trong tủ xông;
- Sử dụng các bảo hộ theo quy định;
- Cân lượng thuốc tím cần dùng và đổ vào bát chứa bằng sành hoặc sứ hoặc inox (có thể tích lớn gấp ít nhất 10 lần so với thể tích của hai hóa chất gộp lại) đặt ở đáy của tủ xông ngay dưới ống dẫn formol (bát chứa hóa chất cần có đáy nhỏ, miệng rộng để hóa chất tập trung vào phần đáy);
- Đóng chặt cửa tủ và treo biển báo nguy hiểm ở cửa;
- Đo lượng formol cần dùng đổ vào ống phễu chảy vào bát thuốc tím;
- Thời gian xông trứng trong vòng 15-20 phút. Bật quạt đảo khí (nếu có) trong thời gian xông;
- Sau thời gian xông, bật quạt hút khí và mở nắp thông khí, để tiếp 20 phút;
- Mở cửa tủ, tháo biển báo và đưa trứng về khu vực ấp hoặc kho bảo quản.

Lưu ý:

- Không xông khử trùng trứng bằng khí formaldehyde trong trường hợp phôi đã phát triển trong vòng 96 giờ đầu tiên và khi trứng đã mổ vỏ;
- Không xông khử trùng trứng trong trường hợp bề mặt vỏ trứng bị ẩm ướt;
- Xông khử trùng hiệu quả nhất là ngay sau khi thu nhặt trứng.

Mẫu 2:**MỘT SỐ HÓA CHẤT DÙNG ĐỂ LÀM VỆ SINH, TẨY TRỪNG TRONG CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA CẦM**

1. *Các chất tẩy rửa và xà phòng* là những hóa chất sử dụng cho việc cọ rửa ướt các bề mặt nhằm loại bỏ đất bụi bám chặt và các chất hữu cơ. Các chất tẩy rửa và xà phòng là những sản phẩm không đắt tiền mà lại có thể loại bỏ tới 80% các vi sinh vật gây ô nhiễm.

2. *Các hợp chất khử trùng Ammonium Quaternary Compounds (Quats)* là lựa chọn sáng suốt cho các cơ sở chăn nuôi. Loại sản phẩm này có cả tính năng tẩy rửa và khử trùng, hoạt động tốt trên sàn bê tông cũng như các bề mặt không bị gỉ. Các sản phẩm này khá rẻ và là những sản phẩm an toàn khi sử dụng do độc tính tương đối thấp.

3. *Các chất khử trùng Phenolics* được dùng để tiêu diệt nhiều loại vi khuẩn, nấm mốc và vi rút có khả năng gây bệnh cho gia cầm và tạo một lớp bảo vệ nhằm kìm hãm sự phát triển trở lại của vi khuẩn.

4. *Các chất khử trùng Iodophors* thường được sử dụng luân phiên với các chất khử trùng Phenolics hoặc Ammonium Quaternary Compounds nhằm hạn chế khả năng kháng hóa chất của các vi sinh vật. Các chất khử trùng Iodophors rất dễ bị các chất hữu cơ vô hiệu hóa, chúng cũng làm cho các bề mặt tiếp xúc ngả vàng. Vì vậy, thường được sử dụng ở các cơ sở chăn nuôi làm dung dịch pha trong chậu rửa sát trùng tay chân.

5. *Các chất khử trùng Glutheraldehyde* hữu hiệu trong việc khử trùng nhiều loại mầm bệnh, và giá cả cũng phải chăng. Là hợp chất khá độc nên khi tiếp xúc và sử dụng hóa chất này cần sử dụng các dụng cụ bảo hộ.

6. *Các chất khử trùng hỗn hợp Glutheraldehyde - Ammonium Quaternary* (ví dụ: Benkocide®) được sử dụng hữu hiệu trong việc khử trùng nhiều loại mầm bệnh, thường được sử dụng để cọ rửa và xử lý các thùng đựng rác thải rắn, các khu vực để rác thải rắn và nơi giao bán sản phẩm.

Mẫu 3:

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VẮC XIN

1. Yêu cầu chung

- Cần có tủ lạnh để bảo quản và vận chuyển vắc xin trong nhiệt độ từ 2 - 8°C (ngăn mát tủ lạnh hoặc trong thùng bảo ôn nhưng không để tiếp xúc trực tiếp với đá lạnh), tránh ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp, không bảo quản vắc xin trong ngăn đá tủ lạnh.

- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng từng loại vắc xin trước khi dùng.

- Vắc xin phải đảm bảo 5 đúng: pha đúng tỷ lệ, đúng thời điểm, đúng liều lượng, đúng vị trí, đúng đường dẫn truyền. Không sử dụng vắc xin đã hết hạn sử dụng, lọ vắc xin bị rạn nứt, vỡ, lọ vắc xin đã có cặn, đã bị phân lớp và biến màu.

- Chỉ sử dụng vắc xin cho gia cầm khỏe mạnh, trong độ tuổi.

- Không dùng vắc xin khi gia cầm bị stress nặng, gây ra bởi:

+ Nhiệt độ môi trường quá cao hoặc quá thấp;

+ Mật độ gia cầm cao (trên 35 kg/m²);

+ Thiếu thức ăn hoặc nước uống (trên 24 giờ).

- Không dùng vắc xin tại thời điểm đáp ứng miễn dịch vắc xin kém; ví dụ: thời điểm gia cầm bắt đầu đẻ trứng rất mất cảm, do vậy, nên tiêm phòng trước khi gia cầm đẻ trứng.

- Một số loại vắc xin có thể sử dụng cùng lúc, nhưng không được trộn lẫn các loại vắc xin với nhau và phải sử dụng cho các vị trí khác nhau.

- Dụng cụ tiêm phòng phải đảm bảo tiệt trùng, biện pháp tốt nhất là đun sôi dụng cụ trước khi sử dụng (không dùng cồn để sát trùng dụng cụ pha và sử dụng vắc-xin, bơm, kim tiêm).

- Trước khi sử dụng phải đưa lọ vắc xin ngoài, để cho nhiệt độ lọ vắc xin gần bằng với nhiệt độ ngoài môi trường, lắc đều trước khi sử dụng (đối với các loại vắc xin nhũ dầu, dạng nước).

- Chỉ pha vắc xin bằng dung dịch cấp phát kèm theo cho từng loại vắc xin của nhà sản xuất, tuyệt đối không dùng các loại thuốc dạng dung dịch để pha.

- Thời gian sử dụng vắc xin sau khi mở nắp lọ và pha vắc xin tùy thuộc

từng loại vắc xin (tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất).

- Lịch trình dùng vắc xin theo từng loại gia cầm riêng biệt và theo hướng dẫn của bác sỹ thú y hoặc tham khảo lịch trình kèm theo cho gà, ngan, vịt.

2. Hướng dẫn sử dụng vắc xin qua nước uống

Sử dụng vắc xin qua nước uống là đường đơn giản và phổ biến nhất để đưa vắc xin sống cho gia cầm với số lượng lớn. Phương pháp này gây ít xáo trộn cho đàn gia cầm vì không đòi hỏi bắt, giữ từng con... nhưng đòi hỏi phải làm đúng quy trình thì mới có hiệu quả.

Nguyên tắc chung

- Virút vắc xin phải được gia cầm uống khi còn sống với lượng đầy đủ cho tất cả gia cầm trong chuồng;

- Nước pha vắc xin uống phải có chất lượng tốt, không có cặn, clorin, chất khử trùng, ion kim loại (sắt, nhôm, kẽm, thủy ngân, chì ...);

- Nước phải mát, nhiệt độ từ 18-20 °C, độ pH từ 5,5-7,5;

- Để trung hòa chất clorin và cân bằng độ pH nước từ 5,5 - 7,5, có thể dùng viên sỏi - 1 viên cho 100 lít hoặc sữa bột tách bơ 2,5 g cho 1 lít.

Kỹ thuật dùng vắc xin qua nước uống

Phải thực hiện đầy đủ các bước sau đây:

Bước 1. Chuẩn bị trước ngày uống vắc xin

a) Kiểm tra xem có đủ vắc xin, viên sỏi hoặc sữa bột theo yêu cầu dùng cho đàn gia cầm;

b) Rửa sạch toàn bộ máng uống, bình chứa nước bằng xà phòng và sau đó rửa lại bằng nước sạch.

Bước 2. Tính toán lượng nước để dùng vắc xin cho toàn đàn gia cầm uống trung bình trong khoảng 2 giờ, lượng nước cần pha tính bằng khoảng 30% lượng nước uống hàng ngày (xem bảng 2). Nếu thời gian gia cầm uống ít hơn 1,5 giờ thì gia cầm không nhận đủ liều vắc xin, nếu thời gian gia cầm uống nhiều hơn 2 giờ thì vắc xin có thể chết trước khi vào cơ thể gia cầm.

Chú ý: Nhiệt độ môi trường càng cao thì gia cầm càng uống nhiều nước.

Bảng 2: Lượng nước uống hàng ngày cho gia cầm

<i>Lít/ngày/1000 con gia cầm</i>		
Tuần tuổi gia cầm	Nhiệt độ 22 ⁰ C (70 ⁰ F)	Nhiệt độ > 32 ⁰ C (90 ⁰ F)
1	45	90
2	72	140
3	112	175
4	150	292
5	180	324
6	208	405
7	230	450
8	250	486

Bước 3: Vào ngày uống vắc xin

- a) Kiểm tra lại tình trạng sức khỏe đàn gia cầm trước khi dùng vắc xin.
- b) Rửa dụng cụ, máng uống, không dùng chất tẩy rửa và chất khử trùng.
- c) Chỉ nên dùng đồ dùng bằng nhựa như máng uống, thùng chứa nước, que khuấy, bình pha và chia vắc xin.
- d) Sau khi gia cầm ăn, uống khoảng 45 phút, treo máng uống lên để gia cầm khát nước khoảng một giờ để chúng khát, sẵn sàng uống khi có nước pha vắc xin.
- đ) Đổ nước vào bình hoặc xô số lượng nước đã tính toán để sử dụng trong vòng 2 giờ.
- e) Xử lý nước để dùng cho vắc xin bằng viên sỏi hoặc sữa bột và để trong 15 phút.
- g) Cách pha dung dịch vắc xin:
 - Vận nắp kim loại của lọ vắc xin;
 - Mở lọ vắc xin dưới mặt nước trong xô đựng nước bằng nhựa;
 - Khuấy đều bằng que nhựa;
 - Hòa vào nước đã được xử lý trước.
- h) Cho gia cầm uống dung dịch vắc xin nhanh chóng, đảm bảo sự phân

chia vắc xin đều cho tất cả gia cầm.

i) Khuyến khích gia cầm uống nước bằng cách: Sau 15-30 phút đi bộ qua đàn gia cầm một lần để đảm bảo toàn bộ đàn gia cầm sử dụng hết lượng vắc xin trong vòng 2 giờ.

Bước 4: Sau uống vắc xin:

a) Kiểm tra bình hoặc máng uống đảm bảo nước pha vắc xin đã được sử dụng hết.

b) Bổ sung thêm nước sạch đã khử Clo-rin vào bình hoặc máng uống trong 24 giờ tiếp theo.

c) Ghi chép chi tiết về vắc-xin vào sổ theo dõi: (1) tên vắc xin; (2) lô số; (3) hạn sử dụng; (4) ngày sử dụng vắc xin.

d) Xử lý lọ vắc-xin đã sử dụng một cách an toàn bằng nước sôi hoặc chất khử trùng.

3. Lịch trình sử dụng vắc xin

3.1. Lịch trình sử dụng vắc xin cho gà sinh sản

Ngày tuổi	Vắc-xin	Cách sử dụng
1	Vắc-xin phòng bệnh Marek	Tiêm dưới da cổ
2-3	Vắc-xin phòng bệnh Cầu trùng	Cho uống (chỉ sử dụng đối với nuôi chuồng nền)
5	Vắc-xin phòng bệnh Niu-cat-xon	Nhỏ mắt, mũi hoặc cho uống
	Vắc-xin phòng bệnh Viêm phế quản truyền nhiễm	Nhỏ mắt, mũi hoặc cho uống
	Vắc-xin phòng bệnh Đậu gà	Chung da cánh
7	Vắc-xin phòng bệnh Gum-bô-rô	Nhỏ mắt, mũi, hoặc cho uống
14	Vắc-xin phòng bệnh Gum-bô-rô	Nhỏ mắt, mũi, hoặc cho uống
15	Vắc-xin phòng bệnh Cúm gia cầm	Tiêm dưới da cổ
19	Vắc-xin phòng bệnh Niu-cat-xon	Nhỏ mắt, mũi, hoặc cho uống
	Vắc-xin phòng bệnh Viêm phế quản truyền nhiễm	Nhỏ mắt, mũi, hoặc cho uống
21	Vắc-xin phòng bệnh Gum-bô-rô	Nhỏ mắt, mũi hoặc cho uống

Ngày tuổi	Vắc-xin	Cách sử dụng
35	Vắc-xin phòng bệnh Viêm thanh khí quản truyền nhiễm	Nhỏ mắt hoặc cho uống
42	Vắc-xin phòng bệnh Niu-cat-xon	Tiêm dưới da cánh hoặc da cổ
45	Vắc-xin phòng bệnh Cúm gia cầm	Tiêm dưới da cổ
56	Vắc-xin phòng bệnh Coryza	Tiêm dưới da cổ
115	Vắc-xin phòng bệnh Coryza	Tiêm dưới da cổ
120	Vắc-xin phòng bệnh Viêm thanh khí quản truyền nhiễm	Nhỏ mắt hoặc cho uống
Trước khi vào đẻ	Vắc-xin đa giá phòng các bệnh: Niu-cat-xon; Viêm phế quản truyền nhiễm; Gumbô-rô; Hội chứng giảm đẻ; Cúm gia cầm.	Tiêm dưới da cổ
	Vắc-xin phòng bệnh Đậu gà	Chung da cánh

3.2. Lịch trình sử dụng vắc xin cho vịt sinh sản

Ngày tuổi	Vắc xin	Cách sử dụng
1-3	Vắc xin viêm gan siêu vi trùng	Pha nước cho uống
7-10	Vắc xin dịch tả vịt lần 1	Tiêm dưới da (cổ hoặc cánh)
15-18	Vắc xin Cúm gia cầm lần 1 (theo hướng dẫn của cơ quan thú y)	Tiêm dưới da cổ
28-46	Có thể tiêm phòng vắc xin tụ huyết trùng cho vịt Vắc xin cúm gia cầm lần 2 (theo hướng dẫn của cơ quan thú y)	Tiêm dưới da cổ
56-60	Vắc xin dịch tả vịt lần 2 Vắc xin viêm gan siêu vi trùng lần 2	Tiêm dưới da (cổ hoặc cánh)
135 - 185	Vắc xin dịch tả vịt lần 3, Vắc xin viêm gan siêu vi trùng lần 3	Tiêm dưới da (cổ hoặc cánh)
Trước đẻ	Vắc xin cúm gia cầm lần 3 (theo hướng dẫn của cơ quan thú y)	Tiêm dưới da cổ
Sau đẻ	Vịt đẻ được 4 - 5 tháng tiêm phòng vắc	Tiêm dưới da

Ngày tuổi	Vắc xin	Cách sử dụng
4 - 6 tháng	xin cúm gia cầm lần 4 (theo hướng dẫn của cơ quan thú y) Vịt đẻ được 5 - 6 tháng tiêm phòng vắc xin dịch tả và viêm gan lần 4 Vắc xin cúm gia cầm lần 4 (theo hướng dẫn của cơ quan thú y)	(cổ hoặc cánh)

3.3. Lịch trình sử dụng vắc xin cho ngan sinh sản

Ngày tuổi	Vắc xin	Cách sử dụng
1-3	Vắc xin viêm gan siêu vi trùng	Pha nước cho uống
18 -25	Vắc xin cúm gia cầm lần 1 (theo hướng dẫn của cơ quan thú y) Vắc xin dịch tả vịt lần 1	Tiêm dưới da
28-46	Vắc xin tụ huyết trùng	Tiêm dưới da cổ
56-60	Vắc xin dịch tả vịt lần 2 Vắc xin viêm gan siêu vi trùng lần 2 Vắc xin cúm gia cầm lần 2 (theo hướng dẫn của cơ quan thú y)	Tiêm dưới da (cổ hoặc cánh)
Trước dụng đẻ	Vắc xin dịch tả vịt lần 3 Vắc xin viêm gan siêu vi trùng lần 3 Vắc xin cúm gia cầm lần 3 (theo hướng dẫn của cơ quan thú y)	Tiêm dưới da (cổ hoặc cánh)
Sau đẻ 4 - 6 tháng	Vắc xin dịch tả vịt lần 4 Vắc xin viêm gan siêu vi trùng lần 4 Vắc xin cúm gia cầm lần 4 (theo hướng dẫn của cơ quan thú y)	Tiêm dưới da (cổ hoặc cánh)

Tùy tình hình dịch bệnh của từng nơi để có lịch sử dụng vắc xin cho phù hợp. Tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất và tư vấn của cơ quan thú y địa phương.

Mẫu 4:
MẬT ĐỘ CHĂN NUÔI TRONG CHUỒNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ GIA CẦM

TT	Loại gà nuôi	Mật độ (số gà/m ²)		
		Mùa đông	Mùa hè	Bình quân
1	Gà thịt thương phẩm	13	10	11
2	Gà hậu bị giống thịt giai đoạn gà con	11	9	10
3	Gà hậu bị giống thịt giai đoạn gà dò	4	3	4
4	Gà hậu bị giống trứng giai đoạn gà con	11	9	10
5	Gà hậu bị giống trứng giai đoạn gà dò	5	4	4
6	Gà thương phẩm trứng thời kỳ gà con (1-35 ngày tuổi, nuôi nền)	28	25	26
7	Gà thương phẩm trứng giai đoạn đưa lên lồng (36-124 ngày tuổi): - Nuôi lồng 1 tầng - Nuôi lồng 2 tầng	13	11	12
		16	13	14

Mẫu 5:**MỘT SỐ BIỂU MẪU GHI CHÉP TRONG CƠ SỞ CHĂN NUÔI**

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên cơ sở chăn nuôi:.....
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Tên giống gà:..... Phẩm cấp giống:.....
5. Mua tại cơ sở nào:
6. Ngày tháng bắt đầu nuôi:
7. Lứa tuổi lúc bắt đầu nuôi:
8. Số lượng (con):
9. Phương thức chăn nuôi:
10. Diện tích chuồng nuôi:.... Diện tích toàn bộ khu vực chăn nuôi:.....
11. Kiểu chuồng nuôi:
12. Ngày kết thúc nuôi:

Phần thứ hai**CÁC BIỂU MẪU GHI CHÉP****Biểu 1: Theo dõi ghi chép hàng ngày**

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng gia cầm (con) (2)	Số lượng thức ăn (kg) (3)	Số lượng trứng (quả) (4)	Tình trạng đàn gia cầm (5)	Số lượng loại thải, chết (con) (6)

Biểu 2: Theo dõi mua thức ăn chăn nuôi

Ngày, tháng, năm (1)	Tên thức ăn (2)	Số lượng (kg) (3)	Đơn giá (đồng/kg) (4)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán và địa chỉ (5)

Biểu 3: Theo dõi mua nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Ngày, tháng, năm (1)	Tên nguyên liệu thức ăn (2)	Số lượng (kg) (3)	Đơn giá (đồng/kg) (4)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán và địa chỉ (5)

Biểu 4: Theo dõi mua gia cầm giống

Ngày tháng năm	Số lượng mua (con)	Cơ sở bán	Giống gia cầm	Ghi chú

Biểu 5: Theo dõi mua vaccin và thuốc thú y

Ngày, tháng, năm (1)	Tên vaccin và thuốc (2)	Số lượng (liều, kg, g, gói...) (4)	Giá (đồng/liều, kg, g, gói...) (5)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán/nhà sản xuất và địa chỉ (6)	Cách bảo quản (để trong tủ lạnh, để bên ngoài) (7)

Biểu 6: Theo dõi sử dụng vaccin và thuốc thú y

Ngày, tháng, năm (1)	Loại vaccin hoặc thuốc thú y (2)	Mã số, hạn sử dụng (3)	Cách sử dụng (tiêm nhỏ, cho uống) (4)	Liều lượng sử dụng (5)	Tình trạng đàn gia cầm sau khi sử dụng (6)	Số lượng loại thải, chết (con) (7)

Biểu 7: Theo dõi sử dụng thuốc sát trùng

Ngày, tháng, năm (1)	Tên thuốc sát trùng (2)	Số lượng thuốc (3)	Diện tích phun (4)	Loại máy/dụng cụ phun (5)	Tên người phun (6)

Biểu 8: Theo dõi sức khỏe đàn gia cầm

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (con) (2)	Triệu chứng (biểu hiện) (3)	Số lượng ốm (con) (4)	Số lượng chết (con) (5)	Nguyên nhân sơ bộ (6)

Biểu 9: Theo dõi xử lý xác gia cầm (đánh dấu X vào các ô)

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (con) (2)	Chôn (con) (3)	Đốt (con) (4)	Phương pháp khác (5)	Vứt xuống ao hồ (6)	Tên người xử lý (7)

Biểu 10: Theo dõi lấy mẫu xét nghiệm

Ngày, tháng, năm (1)	Mẫu xét nghiệm (máu, cả con, nội tạng) (2)	Lý do gửi xét nghiệm (3)	Nơi gửi xét nghiệm (4)	Kết luận của cơ quan xét nghiệm (5)	Kế hoạch kiểm soát (6)	Tên người lấy mẫu (7)

Biểu 11: Theo dõi xuất bán gia cầm giống, gia cầm thịt

Ngày, tháng, năm (1)	Loại sản phẩm (2)	Số lượng (con) (3)	Tổng khối lượng bán ra (kg) (4)	Tên người mua, địa chỉ (5)	Tên người bán (6)

Biểu 12: Theo dõi xuất bán trứng gia cầm

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (quả) (2)	Tên người mua, địa chỉ (3)	Tên người bán (4)

Biểu 13: Danh sách nhân công

Tên công nhân (1)	Căn cước/ Số định danh cá nhân (2)	Địa chỉ (3)

Biểu 14: Theo dõi khách thăm quan

TT	Tên khách	Số điện thoại	Địa chỉ	Ngày đến	Ngày đi	Ký tên	Ghi chú

